



PHONG PHU

TỔNG CÔNG TY CP PHONG PHÚ

B Á O C Á O THƯỜNG NIÊN 2018



Đoàn kết



Hợp tác



Phát triển



Giá trị

— HỢP TÁC — PHÁT TRIỂN

MỤC LỤC

04

TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Thông tin doanh nghiệp	04
Tâm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh	06
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	08
Phong Phú: Những cột mốc dấu ấn	10
Mô hình tổ chức	12
Bộ máy quản lý và điều hành	14
Ngành nghề sản xuất kinh doanh	16

46

TĂNG TỐC ĐÓN ĐẦU CƠ HỘI

Dệt may Việt Nam: Những cơ hội và thách thức	46
Phong Phú tạo xu hướng tiêu dùng xanh	52
Thị trường của Tổng công ty CP Phong Phú	54

24

VỮNG VÀNG NỘI LỰC

Phong Phú năm 2018: Phát huy nội lực doanh nghiệp	26
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	32
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	34
Báo cáo của Ban Kiểm soát	42

56

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán độc lập	56
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	58
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	62
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	64
Báo cáo kiểm toán độc lập	67
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	68
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	72
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	74

PHONG PHÚ LUÔN ĐẢM BẢO hài hòa lợi ích

CỦA CỎ ĐÔNG
NGƯỜI LAO ĐỘNG
DOANH NGHIỆP.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Phong Phú với chuỗi sản xuất khép kín từ sợi - dệt - nhuộm - may cho ra đời những sản phẩm chất lượng vượt trội như: sợi - chỉ may - vải (denim, dệt kim và denim dệt kim) khăn bông và sản phẩm gia dụng, may mặc thời trang.

Tên doanh nghiệp	: Tổng công ty Cổ phần Phong Phú	
Năm thành lập	: 1964	
Tổng giám đốc	: Ông Phạm Xuân Trình	
Vốn điều lệ	: 733,5 tỷ đồng	
Khẩu hiệu	: Cho cuộc sống thêm phong phú	
Tổng số lao động	: 4.626 người	
Trụ sở chính	: 48 Tăng Nhơn Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	
Điện thoại	: (84 28) 6684 7979	Fax: (84 28) 3728 1893
Website	: phongphucorp.com	Email: info@phongphucorp.com
Mã số thuế	: 0301446006	
Chi nhánh Tổng công ty CP Phong Phú tại Tp. Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Bình Thuận, Đà Lạt, Cần Thơ.		
Nhãn hiệu	:*Khăn bông: Mollis, Mollis Organic, Hải Vân, Hải Cầu, Macio *Quần áo, vải, sản phẩm gia dụng khác: Atom, Macio, Pelife, Open, Venti, Tepido...	



TRIẾT LÝ KINH DOANH

CHẤT LƯỢNG LÀ TIÊN PHONG VÀ VÌ SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG LÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp kinh tế hùng mạnh hàng đầu Việt Nam và khu vực, Phong Phú chuyên sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Dệt may góp phần nâng cao tiềm lực kinh tế và chất lượng cuộc sống cộng đồng thông qua việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng vượt trội nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.



SỨ MỆNH

- **Đối với CB.CNV:** Tạo dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng, chuyên nghiệp, có mục tiêu phát triển cho từng CB.CNV. Không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua các chương trình đào tạo, nâng cao tay nghề và khuyến khích cống hiến thông qua lương thưởng, chế độ phúc lợi.
- **Đối với sản phẩm và dịch vụ:** Tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao bằng việc áp dụng những công nghệ tiên tiến trên thế giới, đầu tư thiết bị máy móc hiện đại, chuyên dụng, tạo xu thế để dẫn dắt thị trường.
- **Đối với khách hàng:** Phục vụ khách hàng với phương châm “Ngày mai phải tốt hơn hôm nay”, đồng thời lấy sự hài lòng của khách hàng làm mục tiêu cho sự phát triển. Mỗi sản phẩm dịch vụ Phong Phú tạo ra luôn cam kết chất lượng và bảo hành cho khách hàng một cách trọn vẹn.
- **Đối với môi trường:** Bảo vệ môi trường luôn được chúng tôi quan tâm hàng đầu bằng một quy trình sản xuất khép kín, đồng thời hướng đến sản xuất xanh, phát triển bền vững.
- **Đối với cộng đồng xã hội:** Tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho xã hội, chung tay san sẻ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội thông qua nhiều hoạt động hướng về cộng đồng ý nghĩa, mang giá trị nhân văn sâu sắc.
- **Đối với cổ đông, nhà đầu tư:** Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông, đối tác với doanh nghiệp và cán bộ công nhân viên.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đoàn kết

Cán bộ công nhân viên trên dưới một lòng, luôn đoàn kết trong mọi hoàn cảnh vì mục tiêu chung của công ty, khách hàng, xã hội.

Sáng tạo

Luôn sáng tạo trong các hoạt động từ sản xuất đến kinh doanh, tiên phong áp dụng những công nghệ tiên tiến, dẫn đầu.

Trách nhiệm

Luôn có trách nhiệm với tất cả những hoạt động của mình tại doanh nghiệp.

Tuân thủ

Tuân thủ quy định của pháp luật, công ty, bộ quy tắc ứng xử, cũng như những chuẩn mực văn hóa xã hội.

Phát triển

Không ngừng phát triển bản thân, đóng góp vào mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

Đạo đức

Làm bất kỳ việc gì cũng hết mình bằng một cái tâm trong sáng, tôn trọng các chuẩn mực và hành động một cách đạo đức.

Công bằng

Công bằng với bản thân, đồng nghiệp, với khách hàng và nhà cung cấp.

Trung thực

Trung thực trong sản xuất, trung thực với bản thân, khách hàng, công ty và các hoạt động của mình tại doanh nghiệp.



GIẢI ĐOẠN MỚI GIẢI PHÁP MỚI

Kính thưa các Quý Cổ đông!

Tình hình thương mại chung của thế giới và tình hình thương mại dệt may nói riêng thời gian qua diễn biến rất phức tạp với cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Gần đây Trung Quốc quyết liệt đối phó với việc khách hàng rời khỏi Trung Quốc bằng nhiều biện pháp trong đó có việc thả nổi giá bán và giá gia công sản phẩm dệt may dẫn đến đơn hàng sợi, vải và may mặc của Việt Nam có nguy cơ sụt giảm so với năm 2018. Tình hình Phong Phú cũng gặp rất nhiều khó khăn thách thức. Ngoài Sợi chỉ may duy trì tốt còn lại Denim, Khăn, Dệt kim đều đã và đang gặp khó khăn cần phải quyết tâm, quyết liệt tập trung để giải quyết.

Cơ quan điều hành đã trình Hội đồng Quản trị một loạt các giải pháp như liên kết với các đối tác nước ngoài có thị trường và công nghệ tốt để phát triển Vải, cấu trúc lại ngành Khăn với cơ chế, quy chế phát triển độc lập, thoái vốn tại các khoản đầu tư chậm hoặc chưa phát huy hiệu quả do cơ chế, thủ tục của Nhà nước thay đổi, rà soát lại...


Hội đồng Quản trị đã cơ bản đồng ý và chỉ đạo Cơ quan điều hành tập trung nỗ lực thực hiện nhanh các giải pháp để đảm bảo kết quả tốt của 2019 và yêu cầu phát triển hơn nữa trong giai đoạn tiếp theo của Phong Phú.

Rất mong nhận được sự chia sẻ của Quý Cổ đông, đối tác, khách hàng cùng đồng hành với công cuộc đổi mới phát triển của Phong Phú.

Kính chúc Quý Cổ đông, đối tác khách hàng và toàn thể CB.CNV Phong Phú luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Quang Nghị

PHONG PHÚ

NHỮNG CỘT MỐC DẤU ẤN

Với hơn 55 năm lịch sử, Tổng công ty Cổ Phần Phong Phú tự hào là doanh nghiệp kinh tế không ngừng đổi mới, hoàn thiện và lớn mạnh về mọi mặt. Sản phẩm Phong Phú được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin tưởng và sử dụng.

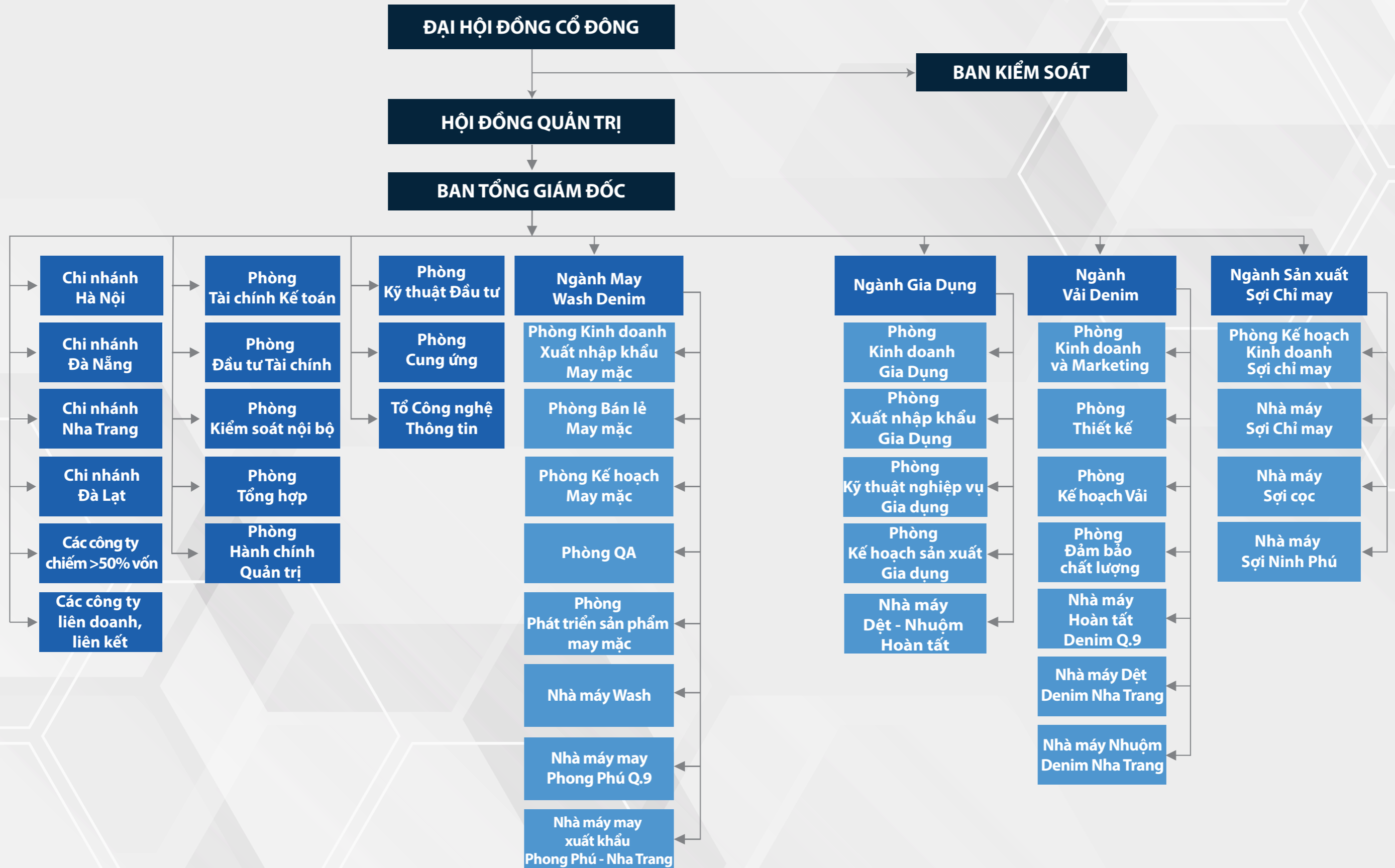
Năm 2019, Tổng công ty CP Phong Phú tròn 55 năm hình thành, phát triển, đổi mới và lớn mạnh. Trong suốt chặng đường dài ấy, các thế hệ người Phong Phú nối tiếp nhau chung sức và đồng lòng vì một mục tiêu chung. Tôn trọng và gợi nhắc quá khứ để mỗi CB.CNV càng nỗ lực hơn đưa con tàu Phong Phú vững tiến trên hành trình mới.

1964	1966	1975	1980	1986	1989	2006	2007	2009	2014	2016	2018
Ngày 14/10/1964 đặt viên đá đầu tiên xây dựng Khu Kỹ nghệ Sicovina - Phong Phú trực thuộc Công ty kỹ nghệ Bông vải Việt Nam.	Nhà máy chính thức đi vào hoạt động với quy mô 3 xưởng sản xuất (sợi - dệt - nhuộm), tổng lao động hơn 1.050 người. Sản phẩm chủ lực: sợi và vải (Satin, Batist, Crèstone, Khaki, vải xiêm, vải ú đen...).	Đổi tên thành Nhà máy Dệt Phong Phú	Sản phẩm giai đoạn đầu chủ yếu là sợi, vải bảo hộ lao động và calico, sau đó phát triển sản phẩm vải jeans, polyester và sợi Peco. Giai đoạn 1976 - 1985 nhà máy luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, trung bình 10 - 15%.	Sản phẩm trong giai đoạn này ngoài vải, sợi, Phong Phú còn phát triển mặt hàng khăn bông, vải katê sọc, vải jeans.	Liên doanh với Tập đoàn Coats của Vương quốc Anh để sản xuất chỉ may, đến nay Coats Phong Phú là một lớn mạnh nhất khu vực châu Á Thái Bình Dương.	Chuyển đổi cơ cấu tổ chức thành Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.	Ngày 11/01/2007, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã ra Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN thành lập Tổng công ty Phong Phú.	Phong Phú đã triển khai cổ phần hóa Tổng công ty mẹ và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 15/01/2009	Tổng công ty tái cấu trúc, hoàn thiện chuỗi cung ứng khép kín từ sợi - dệt - nhuộm - may, đón đầu các hiệp định thương mại tự do, gia tăng nội lực doanh nghiệp và tăng tốc đầu tư.	Phong Phú nghiên cứu đầu tư và phát triển dây chuyền khép kín sản xuất vải denim dệt kim và liên tục nghiên cứu những sản phẩm đặc biệt, mang tính khác biệt cao.	Năm 2018: Đầu tư đổi mới hệ thống máy móc thiết bị tự động hóa hướng ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu phát triển những dòng sản phẩm mang tính khác biệt cao.

Hiện nay

Cùng với nội lực doanh nghiệp và tận dụng những lợi thế từ thị trường nhất là các hiệp định thương mại tự do, Phong Phú luôn ứng biến linh hoạt nhằm tạo ra những giá trị gia tăng, giữ vững vị thế của mình trong lòng người tiêu dùng.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC



BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Trần Quang Nghị
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc



Ông Phạm Xuân Trình
Ủy viên Hội đồng Quản Trị



Ông Trần Quang Sáng
Ủy viên Hội đồng Quản Trị



Bà Phạm Minh Hương
Ủy viên Hội đồng Quản Trị



Bà Bùi Thị Thu
Ủy viên Hội đồng Quản Trị



Bà Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc thường trực

BAN KIỂM SOÁT



Bà Trần Liên Hữu
Thành viên Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ
Trưởng Ban Kiểm soát



Bà Vũ Thị Thùy Dương
Thành viên Ban Kiểm soát



Ông Lý Anh Tài
Giám đốc điều hành



Ông Nguyễn Văn Nhiệm
Giám đốc điều hành



Ông Võ Đình Hùng
Giám đốc điều hành



Ông Phạm Minh Tuấn
Giám đốc điều hành



Sản phẩm chủ lực gồm sợi Pe chỉ may các loại và sợi Cotton các loại: Sợi TCD, TCM (Ne 20 - 45), Sợi chỉ may PE (Ne 20 - 85), Sợi se (Ne 20 - 85), Sợi CD siro, sợi Pancy (Ne 4 - 20), Sợi CD (Ne 20 - 40), Sợi CD thun Siro (Ne 4- 32), Sợi Slub, sợi Lap-Yarn, sợi Siro...

Sợi Phong Phú được sản xuất trên dây chuyền công nghệ thiết bị hiện đại nhập khẩu từ các nước Nhật Bản, Thụy Sĩ, Ý, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc như liên hợp bông Rieter A11, B7/3, máy chải thô Rieter C51, máy ghép Rieter SB-D40, RSB-D40, máy sợi thô F33, máy kéo sợi Rieter G33, Toyota RX240, máy đánh ống Murata 7V-II, Murata 21C... Chất lượng đầu ra được kiểm tra theo quy trình nghiêm ngặt, chặt chẽ thông qua hệ thống máy móc tiên tiến.

Ngoài những sản phẩm truyền thống, Phong Phú đã chú trọng nghiên cứu và phát triển thêm một số sản phẩm mới, mang tính khác biệt cao như sợi Fancy, sợi bọc Spandex, sợi bọc Filament tạo ra hiệu ứng khác nhau trên mặt vải, sợi Siro giúp mặt vải bóng và mềm mại... Sản phẩm sợi Phong Phú được ứng dụng làm chỉ khâu và may họa tiết trên quần khaki, quần jeans... theo tiêu chuẩn chất lượng châu Âu. Đồng thời, sợi Phong Phú ứng dụng trong dệt vải dệt thoi và dệt kim cao cấp, phục vụ cho nhu cầu may sản phẩm quần áo xuất khẩu như quần áo jeans denim cao cấp, áo dệt kim T-shirt, polo shirt, áo khaki dệt thoi, nón khaki, khăn và các sản phẩm dệt gia dụng khác.

- SỢI - CHỈ MAY

Ngành sợi Phong Phú hiện tại có 03 nhà máy tọa lạc tại TPHCM và Ninh Thuận, gồm 61.000 cọc sợi, năng lực sản xuất bình quân 1 năm đạt 10.000 tấn sợi chỉ may các loại.





VẢI?

Sản phẩm chủ lực: Gồm vải denim và vải dệt kim. Vải denim gồm denim co giãn, denim không co giãn, denim dệt kim.

Năng lực sản xuất: Đạt 13.5 triệu mét/năm và đang tiếp tục đầu tư để nâng lên 23 triệu mét/năm

Thiết bị công nghệ: Đối với vải denim, Phong Phú áp dụng dây chuyền sản xuất với công nghệ tiên tiến, hiện đại như: Máy Canh, máy Đảo và máy Hồ của hãng West Point - Sản xuất tại Ấn Độ. Máy Nhuộm 36 rope của hãng Smartec là công ty Sản xuất máy nhuộm Indigo Ropedye lớn trên thế giới. Máy dệt kiểm dobby khổ lớn Picanol Optimax i của Bỉ - là dòng máy hiện đại nhất được triển lãm trong năm 2016. Máy định hình, máy làm bóng và máy Phòng co của Hàn quốc và Mỹ. Máy Rewinder: sản xuất sợi cho Vải knit Denim.

Đối với vải dệt kim, Phong Phú sử dụng hệ thống sản xuất khép kín và thiết bị công nghệ hiện đại tiên tiến nhập khẩu từ châu Âu, trong đó sử dụng toàn bộ máy dệt hiệu Terrot của Đức và máy nhuộm Slavo (Hy Lạp).

Đặc điểm sản phẩm:

Bên cạnh dòng jean cổ điển 100% cotton, Phong Phú phát triển thêm hàng trăm mẫu mã jeans mới với thành phần sợi cotton, tencel, viscose, polyester, spandex đáp ứng nhu cầu thời trang của thị trường. Các kiểu dệt hiện nay như: Cơ bản - dệt trơn - xước dọc - xước dọc + ngang - xương cá - dệt kiểu - giả denim - coating... với các màu sắc chủ đạo là: Blue indigo, black, grey... trọng lượng từ 4,5 Oz - 15 Oz/yd². Sản phẩm vải có chất lượng cao: độ bền màu tốt, độ co ổn định, màu sắc tươi sáng, đặc biệt đa dạng ánh màu sau wash, ngoại quan vải đẹp, không xù lông, độ co giãn và hồi giãn cao, sản phẩm không có chất độc hại, an toàn cho người sử dụng... Các thông số, đặc tính của vải cũng được kiểm định theo

các tiêu chuẩn: AATCC; JIS; Oeko-Tex Standard 100,... tại phòng thí nghiệm của nhà máy và tại các trung tâm kiểm định có giá trị quốc tế như BV, ITS, SGS; TUV...

Vải dệt kim thành phẩm của Phong Phú áp dụng quy trình kiểm tra theo tiêu chuẩn 4 điểm, kiểm tra toàn bộ 100% các cây vải có trong mẻ nhuộm hoặc lô hàng, bao gồm những bước chính: so màu - kiểm tra độ bền màu - kiểm tra khổ vải - kiểm tra chiều dài cây vải - kiểm tra lỗi ngoại quan. Gồm đa dạng kiểu dệt như: Single Jersey, Interlock, Pique, French terry, Rib, Bee hive piquet... Trọng lượng vải từ 100 - 300 g/m². Màu sắc đa dạng, hoàn tất đạt các tiêu chuẩn để xuất khẩu.



KHĂN BÔNG & SẢN PHẨM & GIA DỤNG

sản phẩm: khăn cao cấp Mollis, khăn Hải Cầu, Macio, khăn xuất khẩu, chăn, drap và một số sản phẩm khác.

Năng lực sản xuất: 5.160 tấn/năm



Thiết bị công nghệ: Dây chuyền sản xuất khép kín với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại Nhật, Mỹ, châu Âu như dệt khí Tsudakoma, dệt Jacquard điện tử Sulzer Ruti. Dây chuyền nhuộm hoàn tất với thiết bị tiền xử lý liên tục, máy nhuộm cao áp MCS và máy Tumler khổ rộng 2,4 m, cùng hệ thống máy may biên tự động theo công nghệ 4.0

Đặc điểm sản phẩm: Hút ẩm tốt, thấm nước cao. Trong suốt thời gian dài sử dụng khăn không bị nhợt. Không bị đổ lông, không ra màu hoặc phai màu. Không có hóa chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn cho người sử dụng. Không có bụi bông, không bị hôi hay bị khô cứng, không gây mẫn cảm với da, khả năng kháng khuẩn, chống nấm mốc cao. Sản phẩm sạch, thân thiện môi trường.

Khăn bông cao cấp Mollis là sản phẩm hàng đầu trên thị trường khăn bông nội địa hiện nay và vươn ra nhiều thị trường uy tín khác trên thế giới. Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất có nguồn gốc thiên nhiên, thân thiện với môi trường như cotton, tơ tằm, gỗ sồi, tre, silk, đậu nành, sữa... Sản phẩm với nhiều kiểu dệt hoa văn, in, thêu, nhuộm đặc sắc... đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người sử dụng.

Hiện nay khăn bông và sản phẩm gia dụng Phong Phú đã có 08 cửa hàng trải dài trên toàn quốc tại các thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, Phan Thiết, Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Nha Trang và lượng khách hàng trải dài trên toàn quốc. Sản phẩm được phân phối trực tiếp tới hơn 600 khách hàng gồm các đại lý, hệ thống siêu thị trải rộng trên toàn quốc như CoopMart, BigC, Metro, Aeon, Lotte Mart, E-Mart, Maxi Mart, Vin Mart, Saigon Satra... và được xuất khẩu sang các nước như: Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc...

MAY MẶC & WASH DENIM

May mặc là công đoạn cuối để hoàn thành chuỗi cung ứng khép kín sợi - dệt - nhuộm - may của Phong Phú.

Phong Phú có 02 nhà máy may với 16 chuyên, năng lực sản xuất đạt 200.000 sản phẩm/tháng.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ thiết bị hiện đại, tiên tiến với hệ thống máy vẽ sơ đồ, máy cắt rập, máy lập trình, máy đột trụ, máy đính nút điện tử, máy làm khuy tự động, máy rà kim... được sản xuất từ Nhật Bản, châu Âu và ứng dụng công nghệ LEAN mới nhất. Thị trường xuất khẩu chính của sản phẩm may mặc Phong Phú gồm: Mỹ, Đức, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc với các khách hàng lớn như: JCPenney, Espirit, S'Oliver, AEO, Hot Topic...

Tại thị trường nội địa, sản phẩm may mặc Phong Phú với các thương hiệu Open, Macio, Atom... đã được người tiêu dùng đón nhận tích cực bởi cấp chất lượng, giá cả, dịch vụ hậu mãi. Sản phẩm ứng dụng công nghệ wash, lazer hiện đại và độc đáo, liên tục cập nhật xu hướng, mang đến cho khách hàng nhiều lựa chọn đa dạng trong thế giới thời trang đa sắc.



VỮNG VÀNG NỘI LỰC

PHONG PHÚ NĂM 2018 PHÁT HUY NỘI LỰC DOANH NGHIỆP

Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, nhưng với sự đoàn kết thống nhất một lòng của đội ngũ CB.CNV tất cả các vị trí, cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo, Phong Phú đã có một năm vượt khó thành công. Thành công ấy có được là sự tổng hòa của 3 yếu tố cốt lõi: Tâm nhìn chiến lược, nội lực doanh nghiệp và đội ngũ nhân sự tiên phong.



Chương trình đào tạo lãnh đạo thực hành

NỖ LỰC VÀ MỤC TIÊU CHUNG

Để tạo nên giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, Tổng công ty đã đào tạo và không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV. Triển khai rộng rãi các hoạt động thi đua, công trình, sáng kiến cải tiến kỹ thuật ở tất cả các vị trí công việc.

Đầu tiên chính là chương trình Đào tạo cán bộ lãnh đạo thực hành mà Phong Phú phối hợp với Trường doanh nhân PACE triển khai. Các khóa học trang bị cho cán bộ nòng cốt những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc, cũng như chuẩn bị đội ngũ kế cận trong chiến lược phát triển tiếp theo của mình, bởi lẽ nhân sự chính là nguồn tài sản vốn quý và là sức mạnh đường trường của doanh nghiệp.

Chương trình học được biên soạn riêng biệt, bám sát tình hình hoạt động

của Phong Phú, cũng như những định hướng của Ban lãnh đạo trong chiến lược phát triển của mình. Sau khóa đào tạo, mỗi cán bộ tự nghiên cứu cải tiến ngay chính trong công việc của mình và tổ chức sắp xếp thành một đề tài báo cáo trước hội đồng khoa học. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu, cũng như theo dõi quá trình cải tiến và có những điều chỉnh nhanh chóng, kịp thời và nhân rộng mô hình tiên tiến.

Năm qua, Phong Phú đã nghiên cứu và phát triển thành công sợi Lap yarn - Đây là loại sợi mới lần đầu tiên có mặt trên thị trường với những tính năng vượt trội như mềm mại, hạn chế rụng bông, thấm hút, mềm, xốp... đã tạo nên những sản phẩm khăn bông cao cấp sợi Lap yarn độc đáo, mới lạ được khách hàng đón nhận và đánh giá cao. Ông Phạm Xuân Trình - Tổng

giám đốc cho biết: "Mặt hàng mới sợi LOPYARN là một sản phẩm mang đậm dấu ấn công nghệ Phong Phú trong sản xuất khăn được nghiên cứu từ khâu nguyên liệu cho đến sản phẩm tới tay người tiêu dùng. Chúng tôi với tâm huyết luôn mang đến những giá trị ngày càng cao cho khách hàng, cũng như dẫn dắt thị trường, công nghệ".

Với sự phát triển của mình, Phong Phú không chỉ tạo ra công ăn việc làm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, phụng sự xã hội mà còn đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của ngành, quốc gia. Tất cả những tinh thần ấy được chất lọc, kết tinh và lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng người Phong Phú.

CẢI TIẾN ĐỂ PHÁT TRIỂN

Năm 2018, Phong Phú phát động phong trào Phong Phú Got talent. Đây là chương trình trọng điểm nhằm tìm kiếm những tài năng Phong Phú ở tất cả các vị trí công việc, khuyến khích CB.CNV có những sáng kiến mới, giải pháp đột phá nhằm mang lại hiệu quả vượt trội, tăng năng suất chất lượng và tiết kiệm chi phí... Chương trình được phát động rầm rộ đến toàn thể CB.CNV ở tất cả các vị trí công việc.

Tổng công ty đã thành lập một Hội đồng thẩm định, đánh giá hết sức nghiêm ngặt từ rất nhiều công trình tham gia. Qua nhiều lần đánh giá, Hội đồng thẩm định đã công nhận công trình Chuẩn hóa quy trình công nghệ nhuộm của tập thể Ngành sản xuất Gia dụng đạt danh hiệu Phong Phú Got talent 2018. Đánh giá về công trình, Tổng giám đốc cho biết: Công trình đã thể hiện được ba điểm mấu chốt: Thứ nhất thể hiện sự quyết tâm thay đổi của đội ngũ CB.CNV Ngành sản xuất Gia dụng, thứ hai tăng hiệu suất máy và hiệu quả đầu tư, thứ ba quản trị công nghệ tốt giúp cho công tác kế hoạch hóa bám sát thực tế hơn. Việc làm đúng ngay từ đầu không chỉ mang lại hiệu quả, tiết kiệm chi phí mà

còn xây dựng một tác phong làm việc chuyên nghiệp.

Đây là công trình tâm huyết và thể hiện quyết tâm cao độ của đội ngũ CB.CNV Ngành sản xuất Gia dụng. Bà Bạch Thị Kim Cương - Giám đốc Ngành sản xuất Gia dụng chia sẻ: Khi bắt đầu thực hiện công trình, đội ngũ CB.CNV của ngành thể hiện một quyết tâm cao độ với tinh thần cao nhất. Mọi sự nỗ lực ấy đã bước đầu mang lại hiệu quả nhất định, chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu cải tiến để nâng cao hơn nữa giá trị của công trình.

Công trình được thực hiện từ ngày 01/06/2018 đến tháng 09/2018 dẫn đi vào ổn định. Với các bước thực hiện: Đối với phòng thí nghiệm đã bắt mẫu lại toàn bộ các màu trước khi sản xuất. Đối với bộ phận sản xuất đã triển khai thực hiện nhuộm đúng ngay từ đầu, không châm chỉnh ánh màu và đối với lãnh đạo ngành đã mở rộng dung sai và trực tiếp xem xét với ánh từng màu. Kết quả triển khai giúp tỷ lệ Right first time tăng 4%, hiệu suất máy nhuộm tăng 5.23%, tiết kiệm tiêu hao điện nước và nhân công 1 năm khoảng 2,3 tỷ đồng.

Ông Phạm Xuân Trình cũng đề nghị Hội đồng tiếp tục theo dõi, đánh giá và hỗ trợ Ngành sản xuất Gia dụng đạt được mức kỳ vọng của Tổng công ty đặt ra là 96% right first time. Sau đó sẽ duy trì lâu dài trong suốt quá trình sản xuất của mình, đồng thời luôn luôn cải tiến để nâng tỷ lệ này ngày càng cao hơn. Với Ngành sản xuất Gia dụng phải đảm bảo lúc nào cũng tuân thủ và làm đúng với những cải tiến của công trình.

Trong năm qua, Tổng công ty có 39 sáng kiến từ quản lý, kỹ thuật, công nghệ, có 10 công trình trọng điểm và có 12 ứng dụng kaizen sau khi học tập các khóa học ứng dụng tại chỗ vào nơi làm việc. Phong Phú đã đầu tư đổi mới trang thiết bị tự động hóa hoàn toàn, hoàn thiện quy trình chuỗi sản xuất từ sợi, khăn, vải, may mặc, wash denim... chuẩn bị cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và tiếp tục sứ mệnh dẫn dắt của mình. Nhiều công trình đầu tư quy mô lớn ở Nha Trang, Ninh Thuận và TP. Hồ Chí Minh bước đầu mang lại hiệu quả.



Tổ chức cuộc thi nấu ăn nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3

CHĂM LO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với phương châm: Khó khăn dẫn lối cho thành công! Lãnh đạo Phong Phú hôm nay đã kế thừa truyền thống của các thế hệ tiền nhiệm, cùng với óc lãnh đạo sắc bén, linh hoạt đưa con tàu Phong Phú vượt khó thành công và phát triển không ngừng, chinh phục những hành trình mới. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc không ngừng đổi mới với tinh thần: tuân thủ, đoàn kết, sáng tạo và hội nhập. Điều đó kiến tạo những đội ngũ kế thừa có đủ tâm và tầm và đội ngũ CB.CNV cống hiến hết mình cho công việc.

Năm qua, Tổng công ty đã không ngừng chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua lương, thưởng và các chế độ phúc lợi nhằm giúp người lao động yên tâm gắn bó với công việc được giao. Điển hình như việc kiện toàn và phát triển dự án rau sạch, cá sạch, bữa cơm an toàn, quỹ tương thân tương ái, siêu thị mini, chia sẻ với CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn, khám sức khỏe định kỳ một năm 02 lần cho CB.CNV... Ngoài ra, Ban lãnh đạo chú trọng công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đào tạo và phát huy đội ngũ nhân tài, mạnh dạn giao việc và trao quyền cho lãnh đạo cấp dưới với mong muốn phát

huy tài năng và sức trẻ Phong Phú. Bởi lẽ người lao động chính là tài sản quý giá của bất kỳ doanh nghiệp nào.

Với những thành quả vượt trội mà Tổng công ty CP Phong Phú đã đạt được trong năm qua, Đảng và Nhà nước đã trao tặng nhiều danh hiệu cao quý cho tập thể CB.CNV như 06 lần liên tiếp đạt Thương hiệu Quốc gia, Hàng Việt Nam chất lượng cao, đặc biệt là giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động. Đây là những phần thưởng cao quý và xứng đáng cho sự đóng góp của Phong Phú cho ngành và đất nước.

Năm 2018, Phong Phú là 1 trong những doanh nghiệp tiêu biểu được vinh danh trong Bảng xếp hạng “Doanh nghiệp vì người lao động”. Đây là phần thưởng có ý nghĩa lớn sau những nỗ lực không ngừng của Phong Phú trong việc quan tâm, chăm lo đời sống người lao động, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích doanh nghiệp - quyền lợi của người lao động - lợi ích xã hội.





Phong Phú vinh dự 6 lần liên tiếp đạt giải thưởng Thương hiệu Quốc gia

2019 - VỮNG TIN TIẾN BƯỚC

Năm 2019 - Sẽ là năm của tăng tốc, hội nhập và phát triển toàn diện. Với những tiềm năng và lợi thế từ CPTPP, các FTA... Phong Phú triển khai những kế hoạch sản xuất kinh doanh cho giai đoạn phát triển mới. Tất cả vì mục tiêu giữ vững vị thế doanh nghiệp, mang đến giá trị cho người lao động, cổ đông và đóng góp vào sự phát triển kinh tế đất nước. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng của năm 2018, kì vọng 2019 sẽ là năm gặt hái được nhiều thành công của đội ngũ CB.CNV Phong Phú.

Năm 2019 còn đó nhiều khó khăn và thách thức, nhưng với bàn tay, khối óc, sự đoàn kết, quyết tâm và truyền thống của người Phong Phú hi vọng sẽ có một năm thành công vang dội. Phong Phú luôn cần những người làm việc bằng chính sự tâm huyết, tình yêu thương và sự sáng tạo, cũng như sự chung tay góp sức của cổ đông và nhà đầu tư.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã buộc các doanh nghiệp bước vào một sân chơi cạnh tranh khốc liệt. Vì vậy, mỗi

cán bộ Phong Phú hãy luôn làm mới mình để hòa nhịp vào dòng chảy toàn cầu, để viết nên những câu chuyện đẹp trong hành trình vươn đến những tầm cao. Đội ngũ CB.CNV hôm nay quyết tâm: Tạo ra một môi trường làm việc an toàn về mọi mặt và mang lại hiệu quả cao bằng những sản phẩm chất lượng và tiên phong, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng bằng tất cả các giải pháp. Hợp tác, phát triển đi cùng trách nhiệm với cộng đồng, trung thực, tận tâm, chuyên nghiệp.

Năm 2019 còn đó nhiều khó khăn và thách thức, nhưng với bàn tay, khối óc, sự đoàn kết, quyết tâm và truyền thống của người Phong Phú hi vọng sẽ có một năm thành công vang dội. Phong Phú luôn cần những người làm việc bằng chính sự tâm huyết, tình yêu thương và sự sáng tạo, cũng như sự chung tay góp sức của cổ đông và nhà đầu tư.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ NĂM 2018



I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2018:

So với năm 2017, tình hình ngành dệt may năm 2018 tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn.

Thứ nhất, Việt Nam là nước phá giá đồng tiền ít nhất trong số các quốc gia xuất khẩu dệt may, tăng khoảng 3%, trong khi NDT là 9%, Rupial Ấn Độ là 15%. Như vậy, đứng trên mặt tỷ giá, hàng hóa Việt Nam đắt hơn hàng hóa Trung Quốc khoảng 6% và đắt hơn hàng hóa từ Ấn Độ khoảng hơn 12%.

Thứ hai, từ khi bắt đầu có chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, dù đến thời điểm hiện nay chưa có sắc thuế nào đánh vào hàng hóa dệt may nhưng nó đã tác động khiến tốc độ tăng trưởng giảm, rõ rệt nhất là ngành sợi.

Thứ ba, khi lãi suất của các quốc gia lên thì sức cầu có xu hướng giảm. Đơn cử, Mỹ tăng lãi suất đúng 1%. Ngân hàng Trung ương châu Âu và Nhật Bản đều điều chỉnh lãi suất cũng đã ảnh hưởng đến cầu rõ rệt.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành Tổng Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt, linh hoạt để vượt qua những khó khăn, thách thức và đưa Tổng Công ty đạt được các kết quả như sau:

- **Tổng doanh thu hợp nhất đạt 3.964 tỷ đồng.**
- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 221 tỷ đồng.**
- **Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 217,6 tỷ đồng.**
- **Mức chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2018 dự kiến là 25%/mệnh giá cổ phiếu.**

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018:

Hội đồng quản trị thường xuyên theo sát mọi hoạt động của Tổng Công ty và đã có nhiều chỉ đạo, giải pháp quan trọng, hiệu quả, kịp thời về thị trường, nhân sự, đầu tư, tái cấu trúc hệ thống... giúp cho hoạt động của Tổng Công ty được thuận lợi, hiệu quả.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời chỉ đạo, giải quyết kịp



thời những phát sinh đảm bảo cho hoạt động của Tổng Công ty đạt hiệu quả và đúng định hướng phát triển của Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức đúng theo quy định của pháp luật; các hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên Hội đồng quản trị để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định; toàn bộ biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được các thành viên Hội đồng quản trị tham gia dự họp ký đầy đủ, theo đúng quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt nghĩa vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật.

III. MỨC THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:

Mức thù lao thực chi cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2018 là 66.000.000 đồng/tháng (thu nhập sau thuế) thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2018 :

1. Đánh giá chung:

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc đều có trình độ từ đại học trở lên, phần lớn đều có bằng thạc sỹ quản trị kinh doanh, bằng quản trị Công ty, được đào tạo đầy đủ, chuyên sâu về chuyên môn, am hiểu sâu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công tác và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

- Tổng Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị hàng quý theo đúng quy định của Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

- Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các cấp quản lý cấp trung gian.

2. Một số vấn đề cần Ban Tổng Giám đốc quan tâm sâu sát trong thời gian tới:

- Đánh giá khả năng cạnh tranh dài hạn của tất cả các ngành sản xuất của Tổng Công ty trong giai đoạn 5 năm tới và tầm nhìn 10 năm (đầu tư, thị trường, nhân lực, chế độ đãi ngộ...).

- Hoàn thiện và ổn định nguồn nhân lực với mức độ hài lòng cao, xây dựng chính sách và chiến lược nhân lực của Tổng Công ty từ đào tạo, phát triển, đãi ngộ mang tính lâu dài phục vụ chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

- Rà soát toàn bộ quy trình, huy động chất xám chuyên gia để giảm chi phí trong hoạt động của Tổng Công ty, kể

cả các chi phí ngoài phần cứng như vận chuyển, lương vùng miền, thuế, lợi thế khác...

- Xây dựng chính sách đào tạo và giao chỉ tiêu đào tạo cho từng vị trí: số lượng, nội dung...

V. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019:

Hội đồng quản trị sẽ cùng Ban điều hành và tập thể CBCNV quyết tâm nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2019 đảm bảo tiêu chí an toàn, hiệu quả và tiết kiệm với các kế hoạch, định hướng sau:

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị về: công tác nhân sự, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, tài chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

- Chỉ đạo hoàn thiện công tác tái cấu trúc hệ thống tổ chức theo định hướng và kế hoạch đã đề ra.

- Chỉ đạo công tác lập quy hoạch, kế hoạch dài hạn và chiến lược phát triển của Tổng Công ty, các đơn vị thành viên.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất dệt may.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mẫu mã, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Phong Phú năm 2018, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Quang Nghị

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Phần I Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH:

a. Thuận lợi:

- Các chính sách của Chính phủ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp dệt may.
- Các Hiệp định Thương mại FTA có hiệu lực, CPTPP bắt đầu khởi động được đánh giá sẽ mang lại thuận lợi cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

b. Khó khăn:

- Thứ nhất, Việt Nam là nước phá giá đồng tiền ít nhất trong số các quốc gia xuất khẩu dệt may, tăng khoảng 3%, trong khi NDT là 9%, Rupial Ấn Độ là 15%. Như vậy, đứng trên mặt tỷ giá, hàng hóa Việt Nam đắt hơn hàng hóa Trung Quốc khoảng 6% và đắt hơn hàng hóa từ Ấn Độ khoảng hơn 12%.
- Thứ hai, từ khi bắt đầu có chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, dù đến thời điểm này chưa có sắc thuế nào đánh vào hàng hóa dệt may nhưng nó đã tác động khiến cầu giảm mạnh, dẫn đến tốc độ tăng trưởng giảm, rõ rệt nhất là ngành sợi.

- Thứ ba, khi lãi suất của các quốc gia lên thì sức cầu có xu hướng giảm. Đơn cử, Mỹ tăng lãi suất đúng 1%. Ngân hàng Trung ương châu Âu và Nhật Bản điều chỉnh lãi suất cũng đã ảnh hưởng đến cầu rõ rệt.

- Thứ tư: chi phí lương, điện, nước cấp nước thải tăng, cạnh tranh lao động là những yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động của Ngành dệt may.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018:

Những khó khăn, thách thức trong năm 2018 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, tuy nhiên bằng những giải pháp đúng đắn và sự chủ động, quyết liệt, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng Công ty, cùng với sự sáng tạo, đoàn kết thống nhất trên dưới một lòng của toàn thể CBCNV Phong Phú là sức mạnh nội lực to lớn giúp Tổng Công ty vượt qua khó khăn để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 với kết quả như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 (Hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% so với kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.270	3.964	93%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	238	221	93%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	235,5	217,6	92%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 (Tổng Công ty mẹ)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% so với kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.723	3.645	98%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	235	236	100,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	235	236	100,4%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15- 20	25	

Bên cạnh những kết quả kinh doanh đạt được nói trên, trong năm 2018 Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Tổng Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động để củng cố hơn nữa nội lực của Tổng Công ty chuẩn bị cho chiến lược phát triển trong thời gian tới, cụ thể:

- Rà soát và xây dựng bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ trong toàn Tổng Công ty từ các Phòng Ban chức năng đến các Ngành sản xuất, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của các đơn vị được tuần thủ và chặt chẽ.

- Thực hiện nhiều dự án đầu tư chiều sâu thay thế các máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất hiện đại, tự động hóa cao theo xu thế của cuộc Cách mạng 4.0 và đầu tư mở rộng tăng năng lực sản xuất.

- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa dây chuyền sản xuất, thực hiện phong trào tiết giảm các chi phí bất hợp lý, thực hành tiết kiệm... Nhiều cải tiến của các phòng ban, đặc biệt là tăng năng suất lao động, giảm lao động đã được thực thi và phát huy.

- Phát động phong trào Phong Phú Got Talent nhằm phát huy năng lực cá nhân, mỗi cá nhân được thể hiện bản thân, bản lĩnh, năng động, sáng tạo tìm tòi cái mới cải tiến công việc ngày càng tốt hơn, đóng góp có giá trị vào sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

- Thực hiện nhiều chương trình marketing, PR, hoạt động xã hội, từ thiện... để củng cố, nâng cao hình ảnh, thương hiệu Tổng Công ty.

- Phát triển sản phẩm mới trên 250 mặt hàng khăn, trên 150 mặt hàng vải và hàng trăm mẫu sợi fancy cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Thực hiện chính sách tiền lương và phúc lợi dựa vào năng lực và hiệu quả KPI căn cứ vào thị trường tiền lương để linh hoạt cho từng cá nhân, từng vị trí.

- Di dời và đào tạo cơ bản dây chuyền Denim Quận 9 ra Nha Trang đã đi vào hoạt động.



III. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

Căn cứ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc quyền sử dụng của cổ đông Tổng Công ty trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán và Lợi nhuận sau

thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018 đã được kiểm toán của Tổng Công ty mẹ, phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 dự kiến như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất 2018	Đồng	414.677.387.285
2	Lợi nhuận được sử dụng để phân phối	Đồng	236.005.166.194
3	Các khoản giảm trừ	Đồng	426.666.668
4	Lợi nhuận dự kiến phân phối:	Đồng	235.578.499.526
a	Chia cổ tức cho cổ đông (25%/Mệnh giá cổ phiếu)	Đồng	186.677.227.500
b	Trích thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành và kinh phí ngoại giao (3%LNPP)	Đồng	7.067.355.000
c	Trích thưởng vượt KH (10% LN vượt)	Đồng	100.516.619
d	Trích quỹ đầu tư phát triển (6.8% LNPP)	Đồng	16,031,335,407
e	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (9.0% LNPP)	Đồng	21.202.065.000
5	Lợi nhuận còn lại	Đồng	4.500.000.000

Ghi chú: Các khoản trích trên có thể có sự thay đổi tùy thuộc vào kết quả quyết toán thuế năm 2018 của Cơ quan thuế làm ảnh hưởng đến lợi nhuận để phân phối. Tổng Công ty sẽ báo cáo khi có sự thay đổi cho Quý cổ đông trong thời gian sớm nhất.



Phần II
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

- Các yếu tố thế giới:

Năm 2019 tăng trưởng ở những thị trường lớn đang chậm lại. Đồng thời lãi suất liên tục được điều chỉnh tăng, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) được dự báo sẽ tăng lãi suất hai lần lên mức 3,0%. Bên cạnh đó, lãi suất năm 2019 cũng được ước tính sẽ tăng 50 điểm cơ sở so với năm 2018.

Năm 2019 cũng là năm kinh tế thế giới khó dự đoán khi hàng loạt các vấn đề chính trị chưa có lời giải, cụ thể: (1) Diễn biến cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, (2) Brexit tại EU, bức tranh chính trị có nhiều vết rạn của Anh hiện nay đã và đang cản trở tiến trình Brexit, (3) Năm 2019 sẽ là năm mà bầu cử diễn ra ở một số nền kinh tế mới nổi như Argentina, Ấn Độ, Indonesia, Nam Phi và Nigeria, với ảnh hưởng sâu rộng đối với lập trường chính sách và sự ổn định thị trường, (4) Giá dầu: Đợt giảm sâu gần đây của giá dầu đã đưa chính trị ở khu vực Trung Đông trở lại tâm điểm chú ý. Mối quan hệ giữa Mỹ và Iran sẽ là một chìa khóa của vấn đề, cũng như khả năng Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) và đồng minh sẽ cắt giảm sản lượng khai thác dầu, (5) Rủi ro chính trị tại châu Á như vấn đề Đài Loan, căng thẳng Biển Đông và tranh chấp lãnh thổ Nhật - Trung trên biển Hoa Đông.

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung dù bước đầu tạm rơi vào tình trạng “đình chiến” nhưng rất có thể sẽ xảy ra những tình huống tranh chấp thương mại mới do nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến thương mại là biện pháp can thiệp của Mỹ nhằm hạn chế sức ảnh hưởng đang trở dậy của Trung Quốc.

- Các yếu tố trong nước:

Đà tăng trưởng kinh tế Việt Nam của năm 2018 có thể sẽ được tiếp tục duy trì trong năm 2019, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 được dự báo là tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7 - 8%, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,6 - 6,8%, tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%.



Một trong những rủi ro mà Việt Nam phải đối mặt trong năm 2019 là lãi suất tăng. Theo đó, một số nước sẽ thắt chặt tiền tệ bằng cách tăng lãi suất, như Mỹ hoặc EU, Nhật Bản, do đó lãi suất toàn cầu tăng lên tác động đến tỷ giá và dòng vốn đầu tư (từ khu vực lãi suất thấp sang lãi suất cao). Do đó, Việt Nam có thể phải tăng nhẹ lãi suất theo đà tăng của thế giới, điều này là rủi ro mà doanh nghiệp cần lưu ý.

Việt Nam sắp đón nhận thêm làn sóng FDI trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị có nhiều Hiệp định TMTD sắp có hiệu lực như CPTPP và EVFTA và với vị thế là lựa chọn thứ 2 về cung cấp dệt may trên thế giới chỉ sau Trung Quốc. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Nếu như không cẩn trọng và có bước đi thích hợp doanh nghiệp Việt sẽ “thua” ngay trên sân nhà, phải nhường thị phần cho các doanh nghiệp FDI vốn có lợi thế hơn về vốn, kinh nghiệm, công nghệ, con người. Nhiều doanh nghiệp FDI sẽ thiết lập chuỗi sản xuất từ sợi - vải - may mặc tại Việt Nam, vừa để tận dụng các lợi thế miễn giảm thuế từ các Hiệp định TMTD, vừa để tránh ảnh hưởng hoặc giảm ảnh hưởng nếu có rủi ro kịch bản căng thẳng thương mại với Mỹ trong tương lai. Nếu như vậy thì kịch bản tăng trưởng của toàn ngành vẫn sẽ tốt, chỉ có tăng trưởng khu vực doanh nghiệp nội là đáng quan ngại.

Bên cạnh đó trong năm 2019, chi phí đầu vào của ngành Dệt may tiếp tục có xu hướng tăng như mức lương tối thiểu vùng tăng 5,3% so với năm 2018, kéo theo bảo hiểm xã hội, chí phí nhân công tăng. Chi phí điện tăng 8,5%, hạn chế khai thác tài nguyên nước, bảo vệ môi trường.

Cạnh tranh quốc tế cũng như nội địa ngày càng quyết liệt.

Chi phí đầu tư tự động hóa quá lớn là một thách thức.

Nguồn lực Dệt May Việt Nam tiếp tục khó khăn về quản trị, nghiên cứu công nghệ và mặt hàng mới.



II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Chiến lược, định hướng phát triển:

- Đầu tư phát triển theo hướng lấy chuỗi sản xuất, cung ứng “Sợi - Dệt - Nhuộm - May hoàn tất” làm cốt lõi, kết hợp với việc đầu tư phân bổ theo khu vực để tận dụng lợi thế vùng miền, theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa nhằm đảm bảo tăng trưởng nhanh, bền vững và hiệu quả.

- Trong đầu tư phát triển chú trọng xây dựng mối liên kết hợp tác chặt chẽ giữa các Công ty thành viên trong Tổng Công ty, đồng thời tăng cường xây dựng mối liên kết hợp tác với các Tập đoàn phân phối, bán lẻ lớn, với các khách hàng lớn có uy tín trên thế giới nhằm đảm bảo đầu tư đến đâu có khách hàng đến đó.

- Công tác đầu tư ưu tiên phát triển theo hướng thiết bị hiện đại tự động cao; công nghệ tiên tiến; công tác quản lý các mặt: lao động, chất lượng, các định mức kinh tế kỹ thuật, bảo vệ môi trường... theo tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời đảm bảo công khai minh bạch và thân thiện môi trường, giảm bớt sự phụ thuộc vào số lượng lao động.

- Cạnh tranh về giá ở cấp sản phẩm tốt.

- Tạo ra nhiều mẫu mã mới đẹp làm tiền đề cho đội ngũ bán hàng phát huy.

2. Giải pháp thực hiện:

a. Giải pháp về thị trường:

- Tập trung khai thác đẩy mạnh thị trường xuất khẩu, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong năm tới. Ngoài việc tiếp tục phát triển xuất khẩu sang các thị trường truyền thống như Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Asian... cần tăng cường xuất khẩu vào các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh như: Bắc Mỹ, Úc... và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường ở những quốc gia tham gia các Hiệp định thương mại với Việt Nam.

- Quảng bá và đầu tư vào công tác quảng cáo sản phẩm để phát triển thị trường nội địa.

- Duy trì khách hàng hiện tại, phát triển khách hàng mới, chú trọng dịch vụ chăm sóc khách hàng.

- Phát triển hệ thống bán lẻ và kinh doanh online.

- Lấy khách hàng và sản phẩm làm trung tâm, xây dựng hệ thống hoạt động định hướng theo yêu cầu và nhu cầu của thị trường, của khách hàng.

- Đặt mục tiêu thâm nhập vào chuỗi cung ứng thế giới.

- Nhanh chóng đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đội ngũ nhân sự kinh doanh, xuất nhập khẩu có đủ tâm, đủ tầm, có kỹ năng và nghiệp vụ giỏi trong lĩnh vực trên, am hiểu quy trình công nghệ sản xuất, linh hoạt, có khả năng xử lý công việc và đàm phán với khách hàng để từng bước chiếm lĩnh và mở rộng thị trường kể cả nội địa và xuất khẩu.

b. Giải pháp về thương hiệu:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu Tổng Công ty cổ phần Phong Phú.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các thương hiệu nhánh và thương hiệu sản phẩm.

- Đầu tư làm thương hiệu cho các dòng sản phẩm chiến lược của Tổng Công ty:

- + Các sản phẩm may mặc từ vải Denim, Denim dệt kim.
- + Các sản phẩm may mặc từ vải dệt kim.
- + Các sản phẩm từ khăn bông.
- + Sản phẩm gia dụng khác.

c. Giải pháp về tài chính:

- Nâng động, linh hoạt trong việc tìm kiếm và sử dụng những nguồn vốn vay, vốn tài trợ có lãi suất ưu đãi, cạnh tranh. Cân đối vay ngoại tệ phù hợp để tiết giảm chi phí lãi vay. Bên cạnh đó, tùy theo tình hình thực tế sẽ cân nhắc lựa chọn các kênh huy động vốn tối ưu nhất, đảm bảo đủ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho đầu tư khi thị trường phát triển mạnh.

- Nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, dữ liệu về tài chính, kế toán để phục vụ tốt nhất cho hoạt động quản trị, điều hành của Lãnh đạo Tổng Công ty.

- Cơ cấu lại danh mục đầu tư, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bằng nhiều biện pháp như đầu tư theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Nâng cấp hệ thống kiểm soát chi phí nhằm kiểm soát tốt nhất toàn bộ chi phí hoạt động phát sinh. Ngoài ra còn chú trọng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d. Giải pháp về nhân sự:

- Quản trị chặt chẽ và nâng cao nguồn nhân lực ở tất cả các cấp, phân công giao việc, giao chỉ tiêu KPI, tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực cá nhân.



- Đổi mới công tác tuyển dụng và đối tượng tuyển dụng bằng nhiều hình thức thích hợp, bằng nhiều kênh khác nhau, tuyển ứng viên người nước ngoài cho những vị trí chưa có ứng viên Việt Nam đáp ứng được, làm cho các ứng viên thấy được Tổng Công ty luôn mở rộng cửa đón mời và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất về việc làm, thu nhập, cơ hội thăng tiến, các ưu đãi và phúc lợi... cho các ứng viên từ công nhân đến nhân sự cấp cao về Tổng Công ty.

- Tiếp tục duy trì và phát huy mạnh mẽ các nét đẹp văn hóa đã trở thành truyền thống quý báu của Tổng Công ty, tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, tính trung thực đạo đức trong sản xuất kinh doanh, sự thủy chung gắn bó với Tổng Công ty, sự chân thành cởi mở giúp đỡ lẫn nhau, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công việc... Coi đây là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng nền tảng vững chắc cho Tổng Công ty phát triển hiệu quả và bền vững. Tuyển dụng cán bộ kỹ thuật, kỹ sư kỹ thuật nhằm chuẩn bị cho việc ứng dụng cách mạng 4.0.

e. Quản trị sản xuất:

- Tăng cường kiểm soát các định mức: năng suất, chất lượng, lao động, tiêu hao nguyên - nhiên - vật - phụ liệu, các chi phí phát sinh khác, đầu vào, đầu ra...

- Tiếp tục cải tiến bộ máy quản lý từ các ban, phòng đến các nhà máy sản xuất theo hướng giảm đầu mỗi trung gian.

- Tái cấu trúc mô hình sản xuất của một số đơn vị không hiệu quả.

- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt bằng các giải pháp đồng bộ, khoa học nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế về khả năng cạnh tranh, về ổn định chất lượng.

- Quan tâm giải quyết nhanh, triệt để, quản lý chặt chẽ việc thực hiện các định mức kinh tế, kỹ thuật và các chuẩn mực của Tổng Công ty.

f. Quản trị hệ thống thông tin:

- Hoàn thành chương trình Rosy theo yêu cầu quản trị và tiến tới chuẩn theo định hướng chuyên nghiệp của Tổng Công ty.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin bằng việc đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến, bảo mật.

- Sử dụng các phần mềm quản trị tiên tiến, rút ngắn thời gian, báo cáo kịp thời cho các cơ quan hữu quan và công tác công bố thông tin.

III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

Với nhiều giải pháp đã trình bày ở trên để quyết tâm nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc dành thị trường xuất khẩu cũng như nội địa, tuy nhiên năm 2019 Phong Phú cần tập trung củng cố các mục tiêu cốt lõi sau:

1. Quyết liệt triển khai chương trình đánh giá và phát triển nguồn nhân lực, xem đây là chương trình trọng tâm của năm 2019, cụ thể:

- Công tác tuyển dụng: Thay đổi phương thức tuyển dụng, thu hút lao động có tay nghề có kỹ năng, nhiệt huyết vào làm việc tại Tổng Công ty.

- Công tác tiền lương: Xây dựng phương án trả lương tiên tiến bao gồm phần cứng và phần mềm gắn liền với kết quả thực hiện các chỉ tiêu KPI được giao, tạo sự công bằng, hợp lý phát huy tối đa hiệu suất làm việc cá nhân và tinh thần làm việc theo nhóm.

- Công tác đào tạo: Tiếp tục đào tạo kỹ năng quản lý điều hành thực hành cho các kỹ sư, cử nhân giỏi và đào tạo tự động hóa cho nhân sự quản lý và kỹ sư.

2. Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị hiện đại tự động cao, công nghệ sản xuất tiên tiến kết hợp đầu tư mở rộng tăng năng lực sản xuất chất lượng sản phẩm, giảm chi phí: nhân công lao động, nhiên liệu... để tăng khả năng cạnh tranh.

3. Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới từ công nghệ sản xuất, thiết kế đến nguyên liệu... nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, dẫn dắt xu thế thị trường.

4. Phát triển mạnh mẽ hệ thống bán lẻ rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước và một số nước có tiềm năng như Bắc Mỹ, Úc.

5. Dịch chuyển ngành dệt nhuộm ra các tỉnh để có điều kiện xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải và nước cấp ngay từ đầu nhằm đảm bảo sản xuất thân thiện môi trường, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường và bảo vệ môi trường. Việc dịch chuyển làm tăng chi phí sản xuất, do đầu tư, đào tạo, chi phí chuyên viên, khấu hao...

Với việc tập trung nhân lực, tài lực cho năm 2019 để Phong Phú phát triển lâu dài, bền vững, mục tiêu 2019 được đặt ra như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019 (hợp nhất)	Kế hoạch 2019 (TCT mẹ)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.470	4.100
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	270	250
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	262	250
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%		20

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng báo cáo./.

Tổng Giám Đốc

Phạm Xuân Trinh



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2018
của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Phong Phú

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và báo cáo quyết toán tài chính năm 2018 do Tổng Công ty lập đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2018 của Tổng Công ty CP Phong Phú niên độ kết thúc tại ngày 31.12.2018 như sau:

I. Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Đồng cổ Đông và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị:

1. Thực hiện kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Chọn Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.
3. Kinh phí hoạt động và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đã được chi đúng theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;
4. Trong năm Ban điều hành đã tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn được quy định trong điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú.
5. Việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2018 theo chi tiết sau:

5.1 Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất):

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCĐ 2018	Thực hiện năm 2018	
			Giá trị	% So sánh
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	4.270	3.964	93%
2	Lợi nhuận trước thuế	238	221	93%
3	Lợi nhuận sau thuế	236	217.6	92%

6.2 Kết quả hoạt động kinh doanh (của Tổng công ty mẹ)

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCĐ 2018	Thực hiện năm 2018	
			Giá trị	% So sánh
1	Tổng doanh thu	3.723	3.645	98%
2	Lợi nhuận trước thuế	235	236	100,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	235	236	100,4%
4	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	15-20%	25%	125%

II. Kết quả giám sát báo cáo tài chính năm 2018

Tổng Công ty đã lập và công bố các Báo cáo quyết toán tài chính năm 2018. Báo cáo quyết toán tài chính của Tổng Công ty năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập, báo cáo tài chính của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Một số chỉ tiêu tài chính tại báo cáo tài chính năm 2018:

1- Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31.12.2018 của Tổng Công ty mẹ:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN	4.184	4.099
A - Tài sản ngắn hạn	2.064	1.852
1. Tiền và các tài khoản tương đương tiền	33	50
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.152	1.152
3. Hàng tồn kho	855	590
4. Tài sản ngắn hạn khác	24	60
B - Tài sản dài hạn	2.120	2.247
1. Các khoản phải thu dài hạn	293	460
2. Tài sản cố định	1.125	811
3. Bất động sản đầu tư	13	14
4. Tài sản dở dang dài hạn	32	317
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	630	624
6. Tài sản dài hạn khác	27	21
NGUỒN VỐN	4.184	4.099
C - Nợ phải trả	2.763	2.711
1. Nợ ngắn hạn	1.773	1.423
2. Nợ dài hạn	990	1.288
D - Vốn chủ sở hữu	1.421	1.388
1. Vốn chủ sở hữu	1.421	1.388
- Vốn góp của chủ sở hữu	747	747
- Thặng dư vốn cổ phần	32	32
- Quỹ đầu tư phát triển	324	313
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	318	296
+ LN sau thuế chưa phân phối kỳ trước	88	-
+ LN sau thuế chưa phân phối kỳ này	230	-
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-

Một số nhận xét:

- Công tác hạch toán và lập báo cáo Quyết toán tài chính của Tổng Công ty tuân thủ theo Luật kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính ban hành.
- Tổng Công ty thực hiện trích lập các khoản dự phòng: phải thu ngắn hạn khó đòi; hàng tồn kho, đầu tư tài chính dài hạn đầy đủ theo quy định.

a. Về tài sản

Tổng tài sản của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú đến 31/12/2018 là 4.184 tỷ đồng, tăng 2,1 % so với số cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng từ 1.852 tỷ đồng lên 2.064 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,4%.
- Tài sản dài hạn giảm từ 2.247 tỷ đồng xuống còn 2.120 tỷ đồng, tương ứng giảm 5,7%.

b. Về nguồn vốn

- Nợ phải trả tăng từ 2.711 tỷ đồng lên 2.763 tỷ đồng, tương ứng tăng 1,9 % so với số cùng kỳ năm trước, trong đó:
 - + Nợ ngắn hạn tăng từ 1.423 tỷ đồng lên 1.773 tỷ đồng, tương ứng tăng 24,6%.
 - + Nợ dài hạn giảm từ 1.288 tỷ đồng xuống còn 990 tỷ đồng, tương ứng giảm 23,1%.
- Vốn chủ sở hữu tăng từ 1.388 tỷ đồng lên 1.421 tỷ đồng, tương ứng tăng thêm 2,4% trong đó quỹ Đầu tư phát triển tăng từ 313 tỷ lên 324 tỷ tương ứng tăng thêm 3,5%.

2- Báo cáo kết quả kinh doanh tại Tổng Công ty mẹ:

- Doanh thu đạt 3.645 tỷ đồng, đạt 98% so kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế đạt 236 tỷ đồng, đạt 100,4% so kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế đạt 236 tỷ đồng, đạt 100,4% so kế hoạch

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Theo NQ ĐHCĐ 2018	Thực hiện năm 2018	
			Giá trị	% So sánh
1	Tổng doanh thu	3.723	3.645	98%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	235	236	100,4%
3	Lợi nhuận sau thuế còn lại để phân phối	235	236	100,4%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	15% - 20%	25%	125%

3- Một số chỉ tiêu tài chính tại Tổng công ty mẹ

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Khả năng sinh lời trên doanh thu:	
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	6,5%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	6,5%
2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	5,6%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	5,6%
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ	31,6%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	31,6%

III. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Trong năm 2018 Tổng Công ty đối mặt với nhiều áp lực cạnh tranh về thị trường, về lao động... Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời để không ảnh hưởng kết quả kinh doanh của Tổng Công ty mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chỉ đạo điều hành liên tục công tác cải thiện chất lượng quản lý, chất lượng nguồn nhân lực, quản trị nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả, chăm lo đời sống cho người lao động nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

- Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Tổng Công ty cổ phần Phong Phú chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, nhân sự... của Tổng Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc điều lệ Tổng Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty.

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo đến các hoạt động của Ban Điều hành, đặc biệt trong các công tác tổ chức, quản lý điều hành, xúc tiến đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa máy móc thiết bị và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa rủi ro phát sinh.

- Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Tổng công ty đều được Ban Tổng Giám đốc báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành là những người có năng lực, đạo đức trách nhiệm trong công việc. Thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, sử dụng và phát huy tích cực các nguồn vốn hợp pháp, tài sản, lao động tránh lãng phí tổn thất cho doanh nghiệp; hoàn thành tốt đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước, đảm bảo các chế độ chính sách cho người lao động.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành chỉ đạo thực hiện công tác báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.

IV. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên độc lập, với tư cách là đại diện cổ đông và được Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, tiếp tục công tác giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Ban Kiểm soát được tiếp cận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Tổng Công ty và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong một số trường hợp, phạm vi lĩnh vực có liên quan.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm Soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng báo cáo./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

DỆT MAY VIỆT NAM

NHỮNG CƠ HỘI & THÁCH THỨC

Dệt may Việt Nam hiện nay là ngành công nghiệp đứng đầu cả nước về thu dụng lao động với khoảng 2,7 triệu người, đứng thứ 2 về kim ngạch xuất khẩu sau điện thoại và linh kiện - năm 2018 đạt 36,1 tỷ USD, chiếm 15% kim ngạch xuất khẩu cả nước. Ngành nằm trong top 3 trong số các nước xuất khẩu dệt may thế giới, sau Trung Quốc, Ấn Độ. Kim ngạch nhập khẩu của ngành dệt may Việt Nam năm 2018 đạt 21,8 tỷ USD.

Năm 2019, trước hàng loạt những cơ hội, dệt may Việt Nam cần làm mới mình để bức tốc tận dụng lợi thế tạo nên nhiều giá trị gia tăng. Để bài toán ấy được giải quyết một cách hiệu quả các doanh nghiệp phải tự trang bị nội lực và làm mới mình, đồng thời cần một sự chung tay hỗ trợ của Chính phủ.



NĂM 2018 - DỆT MAY KHỞI SẮC

Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam năm 2018 ước đạt 36,164 tỷ USD, tăng 16,36% so với năm 2017. Trong đó, thị trường Trung Quốc ước đạt 266,32 tỷ USD (tăng 3,3%), Ấn Độ là 36,43 tỷ USD (giảm 2,04%), Bangladesh là 32,39 tỷ USD (giảm 3,7%), Thổ Nhĩ Kỳ là 7,79%, Pakistan là 5,41%, Campuchia đạt 11,428 tỷ USD (tăng 8,2%). So với các nước xuất khẩu dệt may chính, thì Việt Nam có tăng trưởng xuất khẩu ở mức cao nhất trong năm 2018 là 16,36%.

Nguyên nhân dẫn đến kết quả khả quan trên đó là sự dịch chuyển của khu vực sản xuất cực lớn của thế giới là Trung Quốc. Rõ ràng, dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam là thuận lợi nhất, gần nhất, di chuyển nhanh nhất, văn hoá tương đồng. Sau một thời gian các hãng nỗ lực phát triển ở các

địa bàn mới như Bangladesh, Ấn Độ song những tiêu chuẩn chất lượng, môi trường, lao động đều chưa theo kịp quy mô như Việt Nam. Do đó, họ không tăng đơn hàng như dự kiến ở những quốc gia này dù nhìn thấy mức giá rẻ.

Ông Lê Tiến Trường - Tổng giám đốc Vinatex cho biết: Kết quả của năm 2018 là một chuỗi nỗ lực, được khởi động từ năm 2015 cho đến nay. Vinatex và các đơn vị thành viên kiên trì theo đuổi một mục tiêu chiến lược, đó là tăng trưởng chất lượng và bền vững, chú trọng vào chất lượng đơn hàng, chất lượng khách hàng, phần đầu giữ vị trí TOP 5 các nhà sản xuất được khách hàng ưu tiên đặt hàng. Vinatex đã tập trung phát triển theo chiều sâu, quan tâm đến việc bảo vệ

môi trường xanh - sạch, nâng cấp, thay thế các máy móc thiết bị hiện đại đạt chuẩn quốc tế để sản phẩm đạt được độ chính xác cao hơn, năng suất lao động tăng lên, số lượng lao động đòi hỏi ít đi, thu nhập người lao động tăng lên.

Ông Phạm Xuân Trình - Tổng giám đốc Phong Phú cho biết: Trong năm 2018, khó khăn của Việt Nam so với các nước là rất rõ. Việt Nam là quốc gia phá giá đồng tiền ít nhất trong các quốc gia xuất khẩu dệt may, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng đến dệt may trong nước. Tổng thể về thị trường năm 2018 thì những yếu tố thuận lợi cho xuất khẩu dệt may không nhiều nhưng các doanh nghiệp biết tận dụng cơ hội.

NGHỀ Ở KHÂU NGUYÊN LIỆU

Việt Nam là nước nông nghiệp thuần túy, không trồng bông, 99,99% bông hiện nay nhập khẩu và 60% nhập khẩu xơ, sợi. Trong hơn 36,164 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu, có đến 28 tỷ là từ các sản phẩm may mặc, sợi chiếm 3 tỷ, vải chiếm 1 tỷ, phụ kiện dệt may đạt gần 1 tỷ USD. Trong khi đó, nguồn vải Việt Nam đang nhập khẩu là rất lớn.

Hiện nay, nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, điều này làm cho các doanh nghiệp trong nước ảnh hưởng mạnh khi thị trường nguyên liệu biến động. Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh cho biết: Kim ngạch xuất khẩu của ngành năm 2018 ước đạt 36,164 tỷ USD, nhưng chúng ta vẫn đau đầu về câu chuyện tự chủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

Ông Trương Văn Cẩm - Phó Chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam cho biết: Điểm nghẽn nhất của ngành dệt may Việt Nam là sản xuất được vải. Đây là lĩnh vực ngành đang rất yếu. Ngành cũng đã tìm mọi cách đưa ra giải pháp cho khâu vải nhưng mức độ thành

công chưa được như mong muốn. Trong sản xuất vải, mấu chốt là vấn đề in, nhuộm... Tại các nước phát triển như Hàn Quốc, Trung Quốc, doanh nghiệp lớn đều xây dựng chuỗi cung ứng, khu công nghiệp với hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn. Khi tập trung về một khu vực, các doanh nghiệp sẽ dễ dàng xử lý, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chỉ tập trung vào một khâu còn khâu sản xuất vải sẽ được lấy từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các khu vực khác... Các doanh nghiệp Việt Nam chưa tiếp cận được các doanh nghiệp sản xuất vải lớn trong nước, dẫn đến phải nhập khẩu đến 12,8 tỷ USD vải...

Song song đó, doanh nghiệp dệt may vẫn còn gặp nhiều thách thức. Trong đó, quy định xuất xứ từ sợi của CPTTP đã đánh đúng vào điểm nghẽn của ngành. Với lợi thế ưu đãi thuế quan của CPTTP, các đối thủ cạnh tranh sẽ hỗ trợ công nghiệp dệt may của họ. Một số nước xuất khẩu dệt may mới nổi như Campuchia, Myanmar, Lào cũng được hưởng thuế 0% từ EU.

Nhiều nước sẽ sử dụng cơ chế phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất nội địa.

Muốn giải quyết được điểm nghẽn, các doanh nghiệp mạnh phải liên kết với nhau, cần xây dựng chuỗi liên kết doanh nghiệp, nhất là trong nước và đầu tư nước ngoài. Liên quan đến vấn đề lao động, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh vấn đề đào tạo. Bên cạnh đó, cần có sự chung tay của nhà nước, địa phương. Nhà nước cần có chính sách phát triển trong 10 - 15 năm tới để tận dụng hiệp định này. Hiện, một số địa phương quay lại với dệt may, đặc biệt là dệt nhuộm nhưng nhiều dự án của các nhà đầu tư danh tiếng, có đầy đủ yêu cầu thì lại không được cấp phép. Vì vậy, Chính phủ cần quy hoạch các khu công nghiệp, xử lý nước thải để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp.

2019 - NĂM CỦA NHIỀU THÁCH THỨC

Thắng lợi của năm 2018, ngành dệt may đạt ra mục tiêu xuất khẩu đạt 40 tỷ USD năm 2019. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu trên dệt may Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức về thị trường, nguyên liệu, công nghệ...

Ông Lê Tiến Trường - Tổng giám đốc Vinatex nhận định: 2019 sẽ là một năm thách thức với ngành dệt may hơn so với năm 2018. Bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động sẽ tác động không nhỏ tới ngành, tăng trưởng kinh tế các nước được dự báo giảm, lãi suất tăng. Thêm vào đó, chiến tranh thương mại chưa rõ hồi kết trong khi Mỹ và Trung Quốc là hai thị trường lớn của Việt Nam. Đồng thời, Trung Quốc lại là thị trường nhập khẩu nguyên liệu lớn của dệt may Việt Nam.

Dự báo kinh tế Mỹ sẽ chậm lại vào 2019 và 2020 khi chính sách kích thích tiền tệ giảm nhiệt, tăng trưởng GDP của Mỹ năm 2019 có thể chỉ đạt 2,5%, và 2020 là 2%. Kinh tế EU sẽ đạt tăng trưởng 1,8% trong năm 2019 và 1,6% năm 2020. Còn GDP Nhật Bản năm 2019 sẽ đạt 1,1% và 0,6% năm 2020. GDP Hàn Quốc năm 2019 và cả 2020 đều có thể chỉ đạt 2,6%. Năm 2019, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) dự báo sẽ tăng lãi suất ba lần lên mức 3,5%. Bên cạnh đó, lãi suất năm 2019 cũng được ước tính sẽ tăng 50 điểm

cơ sở so với năm 2018. Lãi suất tăng tất yếu sẽ khiến nhu cầu tiêu dùng giảm, ảnh hưởng tới tăng trưởng thị trường. Năm 2019, thế giới phải đối mặt với: diễn biến cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, Brexit tại EU. Bầu cử diễn ra ở một số nền kinh tế mới nổi như Argentina, Ấn Độ, Indonesia, Nam Phi và Nigeria sẽ ảnh hưởng sâu rộng đối với lập trường chính sách và sự ổn định thị trường, giá dầu biến động, rủi ro chính trị tại châu Á.

Hiện nay, các đối thủ dệt may của Việt Nam như Ấn Độ, Bangladesh đang nỗ lực cải thiện các vấn đề về thể chế, chính sách, hỗ trợ xuất khẩu sau một năm 2018 suy giảm. Hiện nay, lợi thế cạnh tranh về nhân công rẻ tại Việt Nam đang suy giảm, kéo theo đơn hàng có thể dịch chuyển sang các thị trường lân cận như Bangladesh, Pakistan, Campuchia, Myanmar.

Ngoài ra, rủi ro từ việc truy xuất nguồn gốc nguyên phụ liệu và áp thuế bổ sung. Không loại trừ khả năng Mỹ sẽ tiến hành truy xuất nguồn gốc các sản phẩm dệt may sản xuất tại Việt Nam

để hạn chế các sản phẩm có nguồn gốc nguyên phụ liệu từ Trung Quốc. Do đó, bắt buộc các doanh nghiệp trong nước phải chủ động đa dạng hóa thị trường cung ứng nguyên phụ liệu may mặc thay vì phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Quốc như hiện nay.

Điểm nghẽn của ngành nằm ở khâu dệt nhuộm nên nếu không đầu tư đúng mức để phát triển chuỗi cung ứng hoàn chỉnh thì Việt Nam vẫn chưa có đủ nguồn lực để tận dụng tốt cơ hội từ CPTTP và các FTA mang lại. Lợi nhuận từ đó sẽ giảm sút dưới áp lực cạnh tranh. Nếu như không can thiệp và có bước đi thích hợp, doanh nghiệp Việt sẽ phải nhường thị phần cho các doanh nghiệp FDI vốn có lợi thế hơn về vốn, kinh nghiệm, công nghệ, con người. Nhiều doanh nghiệp FDI sẽ thiết lập chuỗi sản xuất từ sợi - vải - may mặc tại Việt Nam, vừa để tận dụng các lợi thế miễn giảm thuế từ các FTA, vừa để tránh ảnh hưởng, giảm ảnh hưởng nếu có rủi ro kịch bản căng thẳng thương mại với Mỹ trong tương lai.



Với Phong Phú, việc xây dựng được chuỗi sản xuất khép kín từ sợi - dệt - nhuộm may đã giúp ứng biến linh hoạt theo từng biến động của thị trường. Từ những năm trước, Phong Phú đã không ngừng đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ, nghiên cứu và tạo ra những sản phẩm mang tính khác biệt để mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Với EVFTA CPTTP đây là tiền đề quan trọng giúp Phong Phú bứt phá hơn nữa trong thời gian tới.



PHONG PHÚ VÀ NHỮNG CƠ HỘI

Tổng công ty CP Phong Phú là một trong những doanh nghiệp có chuỗi sản xuất khép kín từ sợi - dệt - nhuộm - may với các sản phẩm chủ lực như: sợi, chỉ may, vải (denim, denim dệt kim, dệt kim), khăn bông và các sản phẩm gia dụng, may mặc thời trang. Các sản phẩm của Phong Phú có nguồn gốc xứ xuất rõ ràng và được kiểm tra nghiêm ngặt qua từng công đoạn sản xuất. Do đó, việc EVFTA và CPTPP có hiệu lực mở ra cơ hội lớn để Phong Phú gia tăng thị phần, đón lấy những cơ hội mới của mình tại thị trường châu Âu cũng như các nước trong nội khối CPTPP.

Phong Phú luôn tạo nên sức mạnh nội lực của doanh nghiệp nhằm ứng biến nhanh với những thay đổi của thị trường, cũng như tận dụng những lợi thế mà thị trường mang lại. Với truyền thống sản xuất dệt may lâu đời, cùng tầm nhìn dài hạn Phong Phú đã không ngừng hoàn thiện chuỗi sản xuất khép kín, đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, gia tăng năng suất, tạo sự khác biệt sản phẩm để dẫn dắt thị trường và tạo giá trị gia tăng cao. Do đó, đối với EVFTA và CPTPP lần này

Phong Phú đã chuẩn bị kỹ về mọi mặt để không ngừng gia tăng thị phần.

Trước đây tận dụng FTA giữa Việt Nam và Hàn Quốc, Phong Phú đã xuất khẩu vải vào thị trường khó tính này, đến nay sản lượng không ngừng tăng lên qua từng năm. Đây là một trong những kinh nghiệm trong việc tận dụng các FTA để mở rộng thị trường. Ngoài ra, với chuỗi sản xuất khép kín này Phong Phú chủ động trong sản xuất sản phẩm đầu cuối mà không lệ thuộc vào nguồn cung từ các nước, nhất là khi nguồn cung nguyên liệu bị biến động. Hơn nữa, việc sản xuất nguyên liệu giúp Phong Phú kiểm soát chất lượng một cách tốt hơn. Khi thị trường ổn định, Phong Phú xuất khẩu nguyên liệu, nhưng khi thị trường nguyên liệu biến động Phong Phú chuyển nguyên liệu cung cấp cho sản xuất nội bộ.

Trong năm qua, đón đầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 Phong Phú từng bước tự động hóa dây chuyền sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để chuẩn bị mọi tiến đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Với Phong Phú, việc xây dựng được chuỗi sản xuất khép kín từ sợi - dệt - nhuộm may đã giúp ứng biến linh hoạt theo từng biến động của thị trường. Từ những năm trước, Phong Phú đã không ngừng đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ, nghiên cứu và tạo ra những sản phẩm mang tính khác biệt để mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Với EVFTA CPTPP đây là tiền đề quan trọng giúp Phong Phú bứt phá hơn nữa trong thời gian tới. Trước khi có hiệp định này, hàng hóa Phong Phú như vải, sợi, khăn bông, sản phẩm may mặc thời trang... đã có mặt tại EU.

Cơ hội cho ngành dệt may trong CPTPP là mở rộng thị trường sang Mexico, Peru và Canada. Ngoài ra, những tác động khác nhau thúc đẩy cải cách thể chế, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn... cũng có ảnh hưởng tích cực lên ngành dệt may.



PHONG PHÚ

Tạo xu hướng tiêu dùng xanh

Sản xuất xanh để định hướng người tiêu dùng chọn sản phẩm xanh đã và đang được các doanh nghiệp tiên phong thực hiện, trở thành một phong trào diễn ra trên toàn cầu. Bởi lẽ xu hướng này không chỉ nâng cao nhận thức, sức khỏe mà còn bảo vệ môi trường.

KHI MÔI TRƯỜNG LÊN TIẾNG

Thực tế cho thấy những cải tiến công nghệ giúp cuộc sống con người càng hiện đại và tiện lợi hơn bao nhiêu, thiên nhiên và môi trường càng bị tàn phá và ô nhiễm bấy nhiêu. Sức khỏe con người bị đe dọa nghiêm trọng.

Theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Việt Nam thuộc Top 2 trên bản đồ ung thư thế giới. Thực trạng ô nhiễm nguồn nước, đất, không khí và an toàn thực phẩm là những "mối lo" lớn đối với người dân bởi những hệ lụy lâu dài đối với sức khỏe và môi trường. Do vậy, các sản phẩm xanh an toàn cho sức khỏe và thân thiện với môi trường được người tiêu dùng quan tâm nhiều hơn. Việc triển khai và áp dụng các chính sách tiêu dùng xanh, mua sắm xanh nhằm khuyến khích sản xuất và tiêu dùng bền vững trở thành nhu cầu bức thiết hiện nay.

Vài năm gần đây, hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về tiêu dùng xanh đã được triển khai. Từ những hoạt động đơn lẻ, thiếu sự kết nối, phạm vi ảnh hưởng nhỏ, đến nay các hoạt động này đã lan tỏa không ngừng và nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ. Cùng với định hướng và hỗ trợ của hệ thống quản lý nhà nước, các doanh nghiệp Việt cũng cùng chung tay trong thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân.

TIÊN PHONG DẪN ĐẦU XU HƯỚNG

Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, nhiều doanh nghiệp Việt đã không ngừng nghiên cứu đầu tư và cho ra đời nhiều hơn nữa những sản phẩm xanh như thực phẩm hữu cơ, nhiên liệu tái tạo, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng... Tiên phong trong ngành dệt may có Tổng công ty CP Phong Phú với các sản phẩm khăn bông cao cấp Mollis có nguồn gốc tự nhiên, thân thiện với môi trường, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu châu Âu và Nhật Bản.

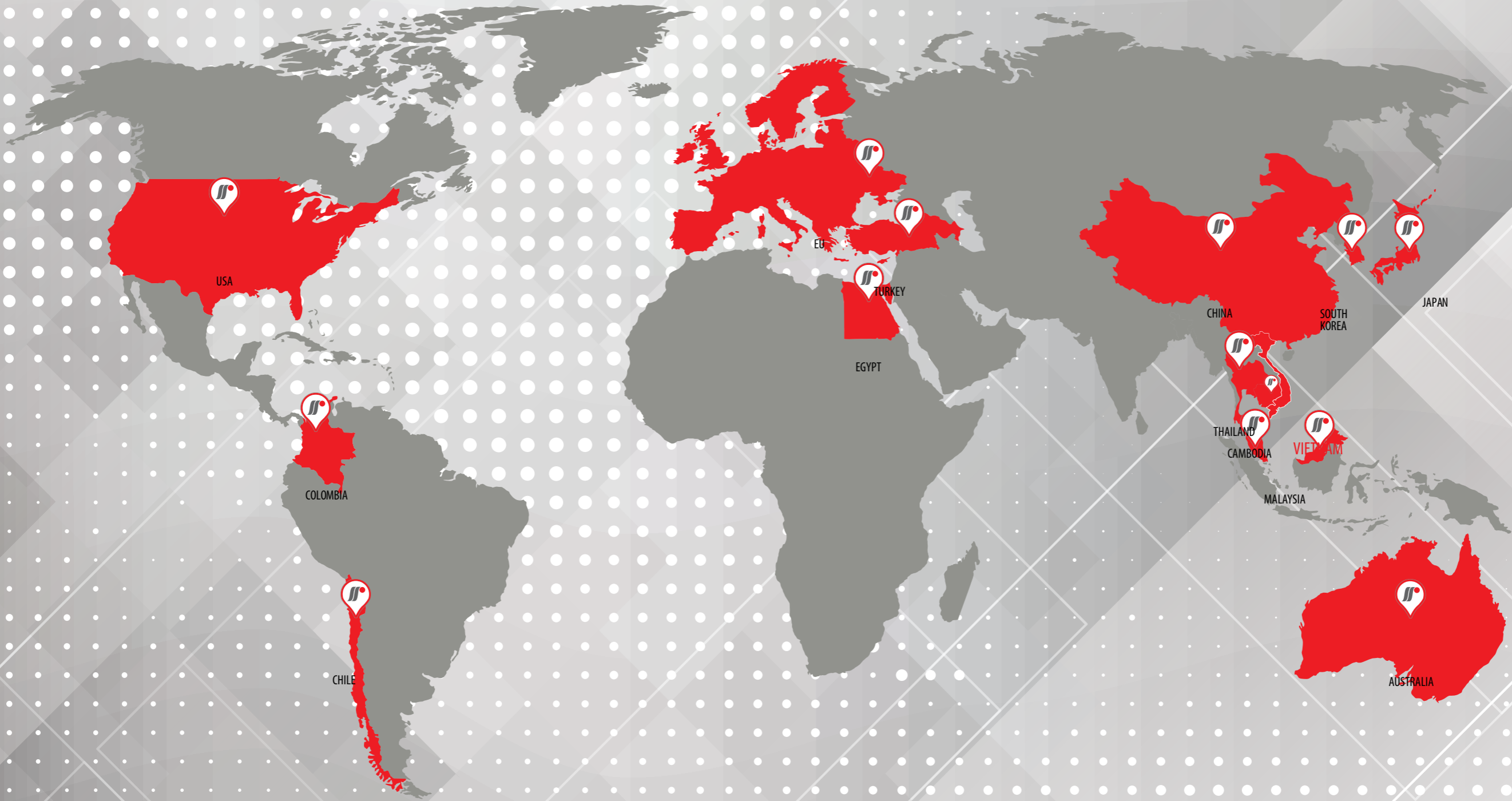
Với định hướng tạo nên nhiều sản phẩm có chất lượng cao và khác biệt, mang đến sự lựa chọn phong phú cho khách hàng, Phong Phú không ngừng nghiên cứu và cho ra đời các sản phẩm xanh, đồng thời hướng đến xanh hóa trong sản xuất. Hiện nay, Phong Phú với nhãn hàng khăn bông cao cấp Mollis đã cho ra đời dòng sản phẩm khăn hữu cơ. Đây là sản phẩm khăn bông đầu tiên của Việt Nam đạt tiêu chuẩn Organic toàn cầu do tổ chức Control Union của Hà Lan chứng nhận.

Khăn được sản xuất từ nguồn nguyên liệu sợi bông trồng bằng phương pháp 100% hữu cơ, được kiểm soát nghiêm ngặt từ khâu chọn đất, chọn giống đến việc chăm sóc hoàn toàn thiên nhiên bằng các chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ và hữu cơ vi sinh, không sử dụng phân bón hóa học, hóa chất, thuốc diệt trừ sâu bọ, giống biến đổi gen... Từ khâu thu hoạch bông đến kéo sợi, dệt, nhuộm, hoàn tất, may, đóng gói, lưu kho... cũng được kiểm soát rất chặt chẽ và nghiêm ngặt bằng một quy trình khép kín. Các công đoạn được tách biệt độc lập, mỗi sản phẩm khăn sau khi xuất xưởng đến tay người tiêu dùng được truy xuất nguồn gốc rõ ràng và lưu trữ đầy đủ chứng từ, hồ sơ về quy trình. Do đó, sản phẩm không chỉ đạt độ an toàn, mang tính sinh thái cao mà còn giúp người tiêu dùng an tâm tuyệt đối khi sử dụng. Sản phẩm được tổ chức Control Union của Hà Lan chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ toàn cầu: Global Organic Textile Standard (GOTS) và Organic Content Standard (OCS).

Bằng chính sản phẩm của mình, Phong Phú liên tục truyền thông đến người tiêu dùng những lựa chọn thông minh cho sức khỏe. Điều đó giúp khách hàng nhận biết hàng giả, hàng nhái, phân biệt sản phẩm Phong Phú với các sản phẩm kém chất lượng khác trên thị trường. Từ đó điều chỉnh dẫn những hành vi tiêu dùng không hợp lý, hướng đến xây dựng văn hóa tiêu dùng văn minh, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên.

Tiêu dùng xanh gắn với sản xuất xanh là định hướng chiến lược của Phong Phú trong thời gian đến. Tổng giám đốc Tổng công ty CP Phong Phú - Ông Phạm Xuân Trình khẳng định: "Đội ngũ CB.CNV Phong Phú đã và đang miệt mài lao động sáng tạo để mang đến những sản phẩm chất lượng, tâm huyết phục vụ người tiêu dùng. Chúng tôi tin rằng khi bạn sử dụng mỗi sản phẩm của Phong Phú sẽ cảm thấy tự hào bởi một sản phẩm chất lượng của Việt Nam".





THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Mỹ, Liên minh Châu Âu, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Campuchia, Thái Lan, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Colombia và Chile.





Head Office 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3. 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội
Tel: 024. 3. 736 7879 Fax: 024. 3. 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2. 465 151 Fax: 0258. 2. 465 806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City
Tel: 0292. 3. 764 995 Fax: 0292. 3. 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0534/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2018-008-1

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.674.657.244.001	2.453.494.225.168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.702.976.496	66.275.335.698
1. Tiền	111		42.402.976.496	66.275.335.698
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.669.970.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.000.000.000	5.669.970.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.248.840.938.469	1.313.870.197.314
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	615.669.922.513	522.239.276.305
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	19.301.487.799	205.362.487.964
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	161.600.000.000	159.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	464.010.288.718	435.759.554.932
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.824.772.159)	(9.720.465.331)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		84.011.598	429.343.444
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.336.981.439.923	996.492.838.439
1. Hàng tồn kho	141		1.362.948.711.577	1.019.398.663.142
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.967.271.654)	(22.905.824.703)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.131.889.113	71.185.883.717
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.129.560.674	3.692.392.730
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.459.477.775	51.590.636.573
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.19	4.542.850.664	15.902.854.414
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.753.190.277.124	2.858.234.324.992
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		337.632.413.896	504.795.457.924
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	6.024.000.000	6.456.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	331.608.413.896	498.339.457.924
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1.721.138.657.802	1.384.799.060.774
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.676.513.130.627	1.338.592.942.548
- Nguyên giá	222		3.347.918.755.458	2.879.351.472.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.671.405.624.831)	(1.540.758.529.911)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	37.271.588.967	42.906.437.346
- Nguyên giá	225		45.942.798.350	50.334.824.155
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.671.209.383)	(7.428.386.809)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.353.938.208	3.299.680.880
- Nguyên giá	228		7.525.403.353	3.457.680.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.465.145)	(158.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	12.907.776.126	13.390.309.818
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.568.234.499)	(1.085.700.807)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		82.324.475.524	385.000.650.535
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	82.324.475.524	385.000.650.535
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		525.181.731.795	500.909.644.634
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	413.630.525.447	407.547.452.895
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	125.514.280.199	135.514.280.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c,2d	(14.163.073.851)	(42.152.088.460)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	200.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		74.005.221.981	69.339.201.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	42.895.838.698	33.923.168.657
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	31.109.383.283	35.416.032.650
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.427.847.521.125	5.311.728.550.160

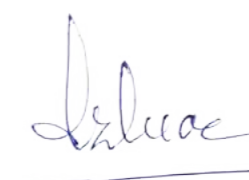
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		3.746.468.991.852	3.661.195.656.704
I. Nợ ngắn hạn		310		2.393.068.886.493	1.996.447.764.355
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17a	382.339.057.016	196.019.557.403
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	19.829.416.501	18.812.015.228
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	26.033.571.450	26.162.499.403
4.	Phải trả người lao động	314	V.20	80.550.265.545	105.972.280.226
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.21	19.247.398.512	11.500.304.340
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22a	3.710.414.169	1.090.488.930
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23a	103.264.618.312	47.546.780.794
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24a	1.754.742.972.966	1.581.016.141.884
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	3.351.172.022	8.327.696.147
13.	Quỹ bình ổn giá	323			
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn		330		1.353.400.105.359	1.664.747.892.349
1.	Phải trả người bán dài hạn	331			
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22b	36.310.813.000	26.838.427.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.23b	26.326.000.000	32.053.500.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24b	1.288.088.199.734	1.602.874.998.599
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339			
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340			
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	2.675.092.625	2.980.966.750
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1.681.378.529.273	1.650.532.893.456
I. Vốn chủ sở hữu		410		1.681.378.529.273	1.650.532.893.456
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	746.708.910.000	746.708.910.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	35.309.411.225	35.309.411.225
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.	Cổ phiếu quỹ	415			
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	339.061.007.341	327.632.237.341
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27	291.153.672	381.828.119
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	414.677.387.285	379.755.136.378
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		185.454.382.293	379.755.136.378
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		229.223.004.992	
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.27	145.330.659.750	160.745.370.393
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430			
1.	Nguồn kinh phí	431			
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		5.427.847.521.125	5.311.728.550.160

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	3.509.967.758.428	3.024.185.455.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	10.657.906.521	3.562.982.188
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.499.309.851.907	3.020.622.473.682
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	3.204.731.983.938	2.734.373.558.897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		294.577.867.969	286.248.914.785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	37.029.365.364	67.752.668.290
7. Chi phí tài chính	22	VL5	160.848.745.367	151.503.506.659
Trong đó: chi phí lãi vay	23		161.958.746.028	132.917.357.011
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	332.009.484.710	269.465.533.913
9. Chi phí bán hàng	25	VL6	131.320.830.866	110.628.389.084
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	180.433.609.934	193.169.547.435
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		191.013.531.876	168.165.673.810
12. Thu nhập khác	31	VL8	95.259.837.693	26.763.225.637
13. Chi phí khác	32	VL9	65.109.085.815	5.854.568.941
14. Lợi nhuận khác	40		30.150.751.878	20.908.656.696
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		221.164.283.754	189.074.330.506
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3.551.241.186	1.776.684.279
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15		78.728.071
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		217.613.042.568	187.218.918.156
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		229.649.671.659	187.986.787.587
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(12.036.629.091)	(767.869.430)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL10	2.785	2.268
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL10	2.785	2.268

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng

Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

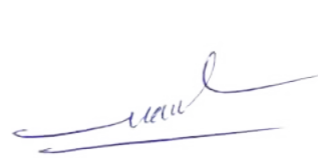
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

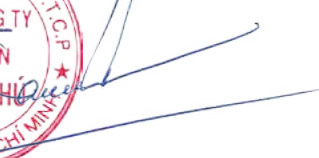
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		221.164.283.754	189.074.330.506
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12, V.13, V.16	163.143.048.584	153.281.479.005
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8, V.26	(23.129.134.955)	6.359.807.287
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	15.434.892.292	1.422.413.938
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2, VI.4, VI.8	(358.123.093.380)	(337.642.651.516)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	161.958.746.028	132.917.357.011
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		180.448.742.323	145.412.736.231
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		36.753.954.751	109.852.220.437
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(346.054.482.177)	(269.135.299.334)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		363.791.859.649	(150.460.421.721)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.073.837.985)	(19.492.427.748)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.21, V.23, V.24, VI.4, VII	(175.297.639.302)	(150.854.001.213)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(6.290.242.732)	(4.727.399.773)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.25	73.974.845	1.174.648.015
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.25, V.27	(44.066.464.664)	(26.790.891.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.285.864.708	(365.020.837.047)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.14, VII	(203.353.297.962)	(404.351.121.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8, VI.9, VII	10.890.870.562	13.991.934.946
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(700.000.000)	(21.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.202.031.572	44.154.030.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31.364.158.477	84.227.664.052
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, V.6, VI.4, VII	305.534.326.837	243.748.246.602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		147.938.089.486	(39.729.245.420)

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.24	4.745.538.258.231	4.882.467.932.528
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.24	(4.827.698.120.841)	(4.353.051.996.614)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.24	(6.251.254.252)	(8.312.079.125)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23, V.27, VII	(84.395.589.300)	(143.637.796.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(172.806.706.162)	377.466.060.519
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23.582.751.968)	(27.284.021.948)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	66.275.335.698	93.575.358.513
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10.392.766	(16.000.867)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	42.702.976.496	66.275.335.698

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2019


Lê Thị Tú Anh
 Người lập biểu


Đặng Thanh Phước
 Kế toán trưởng


Phạm Xuân Trình
 Tổng Giám đốc





Head Office 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472.972 Fax: 028. 3.5472.970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3.736.7879 Fax: 024. 3.736.7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2.465.151 Fax: 0258. 2.465.806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3.764.995 Fax: 0292. 3.764.996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0519/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C

Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2018-008-1

Hoàng Thái Vương - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.063.968.782.067	1.851.713.080.252
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.986.782.760	49.630.328.064
1. Tiền	111		32.686.782.760	49.630.328.064
2. Các khoản tương đương tiền	112		300.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.151.904.401.010	1.151.964.426.038
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	595.355.894.073	501.721.695.589
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.917.111.995	153.121.436.082
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	141.600.000.000	145.300.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	409.993.923.112	360.189.346.932
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.011.227.798)	(8.797.396.009)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		48.699.628	429.343.444
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	854.748.931.084	589.857.207.279
1. Hàng tồn kho	141		879.405.333.879	611.585.936.931
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.656.402.795)	(21.728.729.652)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.328.667.213	60.261.118.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.455.306.760	3.052.621.786
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.118.882.609	41.789.706.339
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	754.477.844	15.418.790.746
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.120.373.333.716	2.247.424.854.763
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		293.694.896.759	460.468.852.235
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	6.024.000.000	6.456.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	287.670.896.759	454.012.852.235
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1.124.961.674.943	811.192.065.145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.123.833.253.331	807.846.470.789
- Nguyên giá	222		1.776.120.767.868	1.363.877.142.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(652.287.514.537)	(556.030.671.661)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	715.161.007	3.345.594.356
- Nguyên giá	225		1.242.282.553	5.634.308.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(527.121.546)	(2.288.714.002)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	413.260.605	
- Nguyên giá	228		583.927.273	158.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(170.666.668)	(158.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	12.907.776.126	13.390.309.818
- Nguyên giá	231		14.476.010.625	14.476.010.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.568.234.499)	(1.085.700.807)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		32.062.066.865	317.340.651.671
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	32.062.066.865	317.340.651.671
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		629.868.220.020	624.063.609.843
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	270.152.739.353	270.152.739.353
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	259.775.971.423	278.770.091.423
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	125.247.365.199	125.247.365.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(25.307.855.955)	(50.106.586.132)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		26.878.699.003	20.969.366.051
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	26.878.699.003	20.969.366.051
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.184.342.115.783	4.099.137.935.015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.762.918.525.337	2.711.136.212.896
I. Nợ ngắn hạn	310		1.772.699.078.985	1.423.038.187.954
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	569.754.792.432	286.515.221.697
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	16.023.334.734	16.001.244.009
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	20.541.509.753	15.847.787.001
4. Phải trả người lao động	314	V.19	61.520.125.852	86.825.108.832
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	14.625.865.469	8.925.535.253
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21	3.375.643.817	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	93.624.176.183	24.346.100.422
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	992.587.954.515	979.502.044.422
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	645.676.230	5.075.146.318
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		990.219.446.352	1.288.098.024.942
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	36.310.813.000	26.838.427.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	26.326.000.000	25.326.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	927.582.633.352	1.235.933.597.942
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.421.423.590.446	1.388.001.722.119
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.421.423.590.446	1.388.001.722.119
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		746.708.910.000	746.708.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	32.368.276.001	32.368.276.001
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	324.063.475.568	312.634.705.568
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	318.282.928.877	296.289.830.550
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		87.704.429.350	296.289.830.550
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		230.578.499.527	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.184.342.115.783	4.099.137.935.015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2019

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng

Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI1	3.223.685.960.352	2.865.705.084.165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.282.943.490	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.216.403.016.862	2.865.705.084.165
4. Giá vốn hàng bán	11	VI2	3.013.768.544.101	2.686.175.444.799
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		202.634.472.761	179.529.639.366
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI3	352.347.436.871	336.564.689.051
7. Chi phí tài chính	22	VI4	88.612.935.327	82.982.240.996
Trong đó: chi phí lãi vay	23		81.148.507.596	73.138.732.327
8. Chi phí bán hàng	25	VI5	108.740.831.469	90.413.296.261
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI6	125.397.849.094	110.798.128.303
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		232.230.293.742	231.900.662.857
11. Thu nhập khác	31	VI7	76.654.569.985	2.968.101.880
12. Chi phí khác	32	VI8	72.879.697.533	3.666.391.226
13. Lợi nhuận khác	40		3.774.872.452	(698.289.346)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		236.005.166.194	231.202.373.511
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		236.005.166.194	231.202.373.511
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI9		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI9		

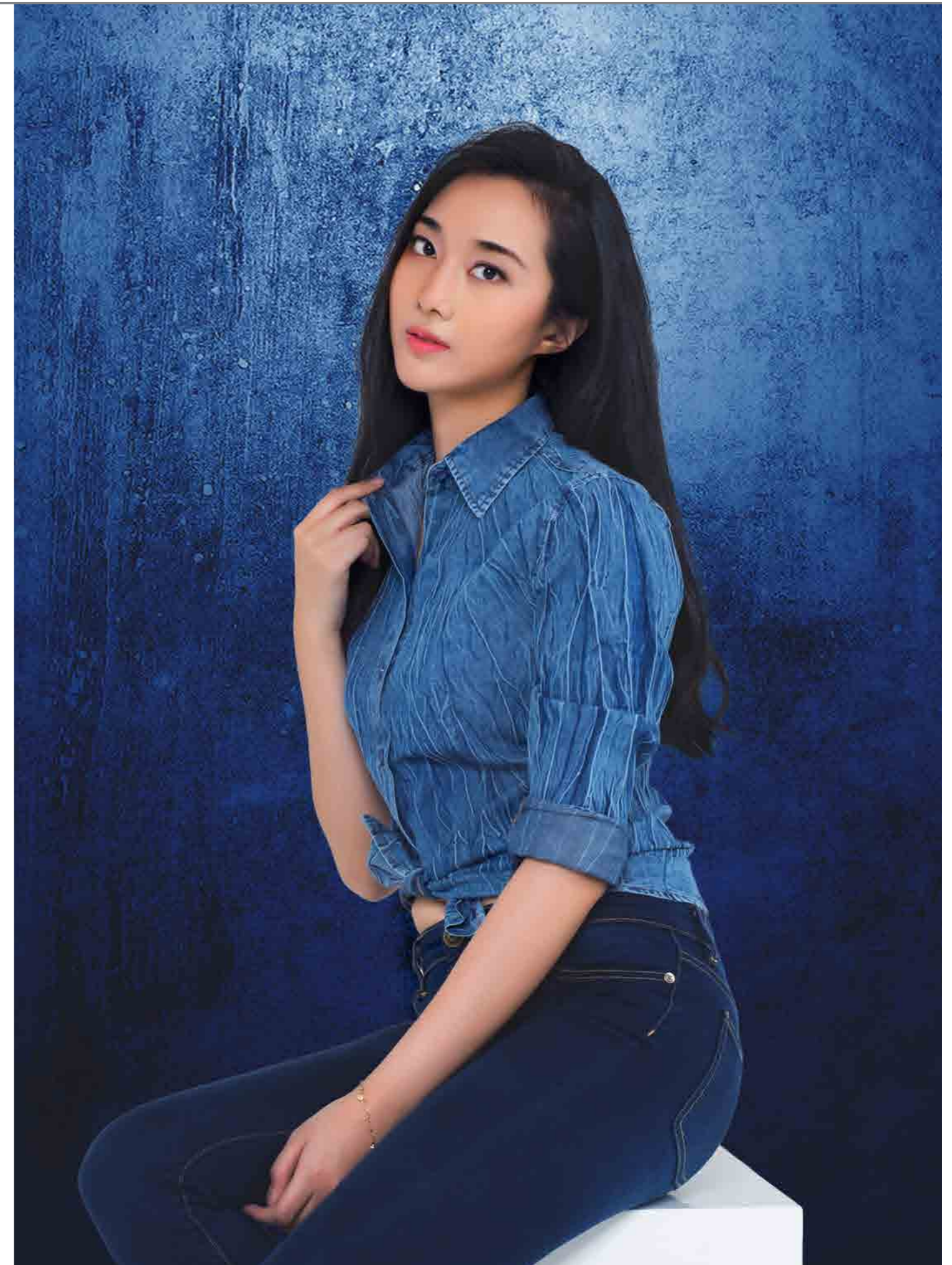
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2019


Lê Thị Tú Anh
Người lập


Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trình
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		236.005.166.194	231.202.373.511
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11, V.12	109.440.350.984	98.141.893.893
-	Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7, V.14	(17.657.225.245)	(21.688.247.683)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	14.521.105.813	548.513.548
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.5, VI.9	(340.273.187.722)	(321.517.422.597)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.5	81.148.507.596	73.138.732.327
-	Các khoản điều chỉnh khác	07			
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		83.184.717.620	59.825.842.999
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		199.161.295.977	24.018.031.566
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(267.819.396.948)	(154.386.579.483)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		273.031.570.183	(58.573.685.932)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.312.017.926)	(18.250.891.031)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
-	Tiền lãi vay đã trả	14	V.13, V.20, V.22a, V.23a, VI.5, VII	(111.432.808.418)	(94.400.562.617)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(527.335.372)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24, V.25	(42.736.807.755)	(23.809.987.668)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		128.076.552.733	(266.105.167.538)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, V.13, VII	(144.906.408.398)	(277.529.277.927)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.9, VII VI.9	6.670.788.446	4.077.199.999
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(5.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.4, VII	2.932.000.000	18.075.803.084
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.14, VI.5	16.145.000.000	85.582.888.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4, VII	298.111.566.049	245.055.527.244
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		178.952.946.097	70.262.140.400

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền thu từ đi vay	33	V.23	3.036.113.561.255	3.135.864.185.392
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	V.23, VII	(3.277.558.462.596)	(2.817.294.715.349)
5.	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	V.23	(439.057.733)	(4.483.169.310)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22a, V.25	(81.785.589.300)	(132.142.171.270)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(323.669.548.374)	181.944.129.463
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.640.049.544)	(13.898.897.675)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	49.630.328.064	63.529.729.130
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	VI.5	(3.495.760)	(503.391)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	32.986.782.760	49.630.328.064

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2019

Lê Thị Tú Anh
Người lập

Đặng Thanh Phước
Kế toán trưởng



Phạm Xuân Trinh
Tổng Giám đốc





TỔNG CÔNG TY CP PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, KP.3, P.Tăng Nhơn Phú B, Q.9, TP.HCM
Điện thoại: 028 6684 7979 - Fax: 028 3728 1893
Email: info@phongphucorp.com - Website: phongphucorp.com